

895.922 3

ĐC

M 458 A

ĐANG
VĂN
BỒN

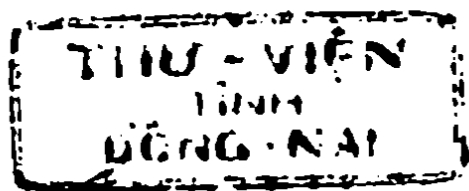
Một ánh
Sao đêm

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

MỘT ÁNH SAO ĐÊM

HOÀNG VĂN BỔN

MỘT ÁNH SAO ĐÊM



2018/ĐC/VV 00001224

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

— 1001 —

Chương một

Con người, kẻ cũng lạ. Hầu như càng đi đến cuối đường đời, lại càng day dứt, bồi hồi, thôn thức nhớ lại đến tha thiết những bước chập chững đầu tiên. Năm, tháng qua đi. Dẫu năm tháng đầy cam go, uẩn khúc, nhọc nhằn. Tự năm, tháng sẽ tước bỏ dần cam go, uẩn khúc, nhọc nhằn. Chào đời và lìa đời là chỗ nối liền gặp nhau một điểm của cái vòng tròn luân hồi, xoáy tròn ốc. Một già một trẻ gặp nhau ...

Mới vài ngày trước, tôi cùng anh Hồng Sơn, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 307, anh Nguyễn Văn Tiên, chính trị viên 307 cùng đoàn cán bộ tham mưu, quân báo, tác chiến của tiểu đoàn vượt sông Bảy Háp, đi điều nghiên thực địa trận Bảy Háp sắp tới của tiểu đoàn.

Tiểu đoàn 307 được lệnh phải mở nhiều trận đánh để hưởng ứng chiến dịch Điện Biên Phủ ngoài

Bắc. Cả miền Nam đồng loạt đánh lớn để chia lửa với miền Bắc, với Điện Biên Phủ. Phái đoàn ta do ông Phạm Văn Đồng dẫn đầu đã sang Giơneo để dự hội nghị hòa bình về Đông Dương, đã gặp phái đoàn Trung Quốc do Chu Ân Lai cầm đầu.

Tiểu đoàn trưởng Hồng Sơn trùm đầu chiếc khăn lông màu cứt ngựa, mang súng ngắn đi cạnh anh Nguyễn Văn Tiên. Cả hai vừa vạch rừng sậy, để bịt bùng, vừa đọc tin tức về mặt trận Điện Biên Phủ do các báo ngoài thành đang công khai. Đi cạnh, tôi chỉ thấy loáng thoáng những hàng chữ lớn chạy ngang kín tờ báo.

— Chúng thua đến nơi rồi. — Anh Hồng Sơn bồi hồi bảo anh Tiên thế.

— Báo chí Sài Gòn đang công khai thế này, chắc chắn ta sẽ thắng — Anh Tiên lau mồ hôi trên khuôn mặt có nước da đen nhẻm, tương tá như nông dân U Minh, chiếc khăn bộ đội vắt vai.

Chúng tôi cùng ngồi lại quanh các anh bên bờ con kênh tôi không biết tên, nhưng không dám hỏi, sợ lộ bí mật quân sự. Tôi được cùng đi điều nghiên mặt trận lần này là nhờ anh Tiên. Biết tôi ham viết lách, anh bảo :

— Cho cậu ấy cùng đi, sau này có thể viết được cái gì kiểu như Bông hường bông cúc. Cũng như Trần Kim Trắc, Ngô Huỳnh. Phải giữ các cậu

ấy ở Ban chính trị, không cho trực tiếp cầm mã tấu nhiều như những trận trước. Khó kiếm người thay thế các cậu ấy lắm ... Trận sắp tới, có thể là ... — Anh bỏ dở câu nói, lại lấy khăn lau mặt, ngửa cổ uống nước trong chiếc bidong nhôm.

Đón chiếc bidong nước từ tay anh Tiên, anh Hồng Sơn tiếng khào khào, lơ lớ giọng pha Bắc :

— Khó cần được các cậu ấy quá. Trận nào cũng đòi đi bằng được. Có đúng thế không, ông Bốn ?

Hình như giọng nói của anh Hồng Sơn có vẻ bụi ngùi. Không hiểu vì sao ? Anh lau mồ hôi cứ tuôn đầm mặt mũi, quay sang anh Tiên :

— Chúng mình phải gặp anh Nguyễn Hữu Trí cảm ơn bài hát “307”; phải gặp anh Nguyễn Bình cảm ơn bài thơ Anh Hoàng Thế Thiện có nhấn bảo thế. Nhưng cứ đánh chác mãi, chưa làm được.

Và anh thở dài, buông tờ báo lên đùi :

— Rồi thế nào nhỉ, ông Tiên nhỉ ?

— Anh bảo sao ? — Anh Tiên không hiểu, hỏi lại, nhìn tôi.

— Chúng sẽ thua ở Điện Biên Phủ, chắc chắn thế. Rồi sao ?

Mỗi người ngó mong ra cánh rừng sậy, để mịt mù, lượn sóng theo từng cơn gió. Cái nắng run rẩy

trên rừng cò lau, sậy trắng phau. Vài cánh cò trắng giăng cánh lượn lờ, tìm chỗ đậu trên những nhánh tràm, cành bần ven con mương không tên.

Đêm hôm sau, trung đội trợ chiến chúng tôi được lệnh tập “độn thổ”.

Trung đội chia làm hai tổp. Một tổp đi trước, đào hầm bí mật, ém quân, nguy trang đảng hoàng. Tổp đi sau kiểm tra.

Trăng sáng như ban ngày. Cánh đồng lúa trời, đứng, lác, sậy, đế bạt ngàn, hòa trong ánh trăng.

Tôi, xạ thủ Rua, tiểu đội trưởng Nguyệt đi kiểm tra, tìm các hầm ém quân bí mật của anh em.

Lội bùn, sinh, băng qua nhiều con mương sâu, đến bốn giờ sáng, vẫn không “xoi” được một hầm nào.

Chợt phía trước có tiếng chim te te hoành hoạch kêu táo tác

— Có thằng “độn thổ” chỗ đó đó. — Rua khều vai tôi, kéo Nguyệt băng băng đến.

Chẳng ngờ, đó là các anh Hồng Sơn và anh Tiên. Các anh cũng đang tìm hầm bí mật của anh em tác chiến.

— Được đấy. Nhưng; hãy coi chừng tiếng chim. Mình đã nhiều lần thoát nguy cũng nhờ tiếng chim kêu như thế.

Đang nói, bỗng anh Hồng Sơn nhảy tránh sang bên. Đất dưới chân anh cục cựa. Một cái đầu lộ lên, một bàn tay chìa lên :

— Cho điều thuốc, tiểu đoàn trưởng. Lạnh quá, muốn cứng ruột.

Ngô Huỳnh nhe răng cười, lật cái rế cỏ trùm đầu.

Cả anh Tiên và anh Hồng Sơn chìa tay lời nhạc sĩ Ngô Huỳnh từ hàm bí mật lên, lớp ngóp :

— Khá lắm. Thưởng hai điều.

Nhạc sĩ Ngô Huỳnh cười ha hả, bập thuốc liên tục, đầu điều thuốc không kịp cháy, lộ ra một khúc như đầu viên đạn lửa.

— Thế nào, sau trận này, có thêm “Con kèn xanh xanh” nào không ?

Ngô Huỳnh cười, chỉ qua tôi :

— Sao anh không hỏi ông Bốn đây, hay hỏi ông Trần Kim Trắc coi sau cái “Bông hường bông cúc”, sau “cái lu bê”, sẽ là cái gì ? Nói vui thôi, cũng khó lắm. Được như ông Nguyễn Hữu Trí, sướng cha đời.

Lúc bấy giờ, trên cánh đồng hoang quanh chúng tôi, bỗng nhiên nhô lên hàng chục nắm đất ngụy trang cẩn thận. Như những chiếc nấm khổng lồ đắm ánh trăng, các chiến sĩ trình sát, đại liên, quân báo

ngiêng qua ngó lại, ngửa nhìn lên vành trăng, một cách lạ lắm, mới cất tiếng cười sảng khoái. Đàn chim đêm giạt mình cất tiếng kêu nháo nhác, quạt cánh lao xào trong ánh trăng.

— Khá lắm. — Tiểu đoàn trưởng Hồng Sơn thích thú nhận xét, chia thuốc lá cho từng chiến sĩ, cán bộ.

Anh Tiên xem đồng hồ tay, bảo nhỏ :

— Đến giờ kiểm tra bộ phận C33. Bốn, Ngô Huỳnh có đi không ? Trăng đẹp quá. Máy khi được ngắm trăng thỏa thích thế này. Vài đêm nữa thôi ...

— Rồi sau đó thì sao ? — Anh Hồng Sơn bồi hồi, vẫn cái giọng trưa hôm qua.

— Có thể sẽ có lệnh ngừng bắn đột ngột đó, anh Sơn. Tối nay, có lệnh dự báo trước của các anh Bộ Tư lệnh Phân liên khu ...

Có lẽ ngại tôi, Ngô Huỳnh đoán biết được, anh Tiên ngừng nói, ngửa mặt nhìn vầng trăng lúc bấy giờ vừa từ đám mây đen hình con gấu chui ra.

Cánh đồng hoang chung quanh lấp lánh, mênh mông. Gió thổi mạnh. Chím cúm nùm, chim te te hoành hoạch đây đó cất tiếng kêu rền rền.

Ngô Huỳnh nhại tiếng chim te te hoành hoạch bằng cái giọng trầm, bổng, khoan nhặt của một nhạc sĩ :

— 'e te, hoành hoạch. Giặt áo chòng tào, giặt cho sạch..Phơi bằng sào, đừng phơi bằng rào, rách áo chòng tào. Te te hoành hoạch ...

Bước chân bì bõm. Thuốc lá lập lờ. Dọc rìa làng, bên các con kênh éo óc tiếng gà, đom đóm bầy chớp hừng từng chập theo tiếng gà gọi bình minh.

— Làm nữa chớ, ông Bốn văn sĩ ? — Ý xạ thủ Rua hỏi tôi có tham gia trận đánh “độn thổ” sắp tới không ?

Đó điệu thuốc lá trong tay Rua, tôi đáp nhỏ, như sợ anh Tiên và anh Hồng Sơn nghe thấy :

— Làm nữa chớ. Có thể là trận cuối mùa ...

Từ đội trưởng Nguyệt cao to dênh dàng ngó mong my chiếc cầu tre chênh vênh như sợi dây, rung rix trong ánh trăng :

—Thằng Rua thì cuối hay tiếp nữa, vẫn vậy thôi. Đánh nhau thế này, sướng nhứt là cái thằng Trần Và Trụi, trên rừng, dưới ...

Xuất Rua co chân rút một con đĩa no máu dưới bả đùi, quăng ra xa :

— Chua nội trung đội phó ở C3 trên dưới gì cũng tui lui, trong trận rồi. Ác nhất là vẫn sống nhăn, mới khỗ.

—Ừ, trụi lui cả trên, cả dưới, thì ... chết mẹ

nó còn sướng hơn.

Nghe lỏm được, nhạc sĩ Ngô Huỳnh nghe rằng cười khì khì, chuyền chiếc mã tấu sáng quắc sang tay trái :

— Nói như các cậu, đâu cần vận động các chị em Hội phụ nữ xung phong lấy thương binh. Đâu cần các nhà thơ Nguyễn Bính, Bảo Định Giang sáng tác các bài thơ động viên chị em xung phong lấy chồng thương binh ...

Chúng tôi đã lần qua chiếc cầu tre lắt lẻo nối tiếp đến bốn nhịp, mỗi nhịp là hai cây tre già. Bền trên chẳng có tay vịn gì cả. Yếu bóng vía một chút, là “độn thủy” ngay. Lúc mới xuống miền Tây — U Minh, tôi rất sợ những chiếc cầu trần trụi, lắt lẻo thế này. Dân miền Đông “gian lao, anh dũng” chúng tôi phải đánh theo phía dưới, lần qua, hoặc nhảy ùm xuống dòng kênh ụp ùm bơi kiểu chó bơi.

Anh Hồng Sơn qua trước, đưa tay toan dắt tôi qua, anh Tiên cản lại :

— Đừng. Kinh nghiệm nhiều lắm rồi. Qua loại cầu này, hễ nắm tay người khác một cái, té ngay.

— Thế, thế ... Rồi sau đó thì sao ?

Đêm hôm đó, tôi bị té thật. Chỉ một trận cười trong đêm trăng rất đẹp thôi. Chẳng hề hấn gì. Chẳng cô gái nào trông thấy. Các mẹ già quanh đấy cũng chưa kịp thức để xuýt xoa, kêu con gái lấy

quần áo khô cho “anh mày thay”. Có khi, lại là một bộ quần áo của chính cô con gái của mẹ. Mặc những bộ quần áo bà ba ấy vào, người nồn nao, trần trọc thâu đêm, không lời lẽ nào tả xiết. Lại bị những chàng trai nghịch ngợm như xạ thủ Rua, tiểu đội trưởng trợ chiến Nguyệt ... đang đêm a tầm phù sa vào chụp lấy chụp để, hôn hít, coi mình như một cô nàng nào đấy.

Đúng như dự đoán của anh Tiên, anh Hồng Sơn, trận đánh tàu chiến theo cách dộng thổ ấy sắp tàn, có lệnh đình chiến.

Chúng tôi đội đất nhảy dựng lên, hươ súng, thùng đạn đại liên, lựu đạn la hét rùm trời ...

Cả binh sĩ phản động phía bên kia cũng nhào lên hươ tay hươ chân, bắn chỉ thiên hàng loạt tiểu liên, kêu be be như hóa điên. Nhiều tên chạy trốn dưới kênh lật đật trời lên, lớp ngóp kêu lớn về phía chúng tôi :

— Sống lại rồi, các anh chị em ơi. Vậy là vọt mẹ nó về với vợ con thôi. Hú hồn hú vía. Cho chết cha nó cái Điện Biên Phủ ngoài xứ Bắc kia đi.

Nhiều tên bị ta rượt nà, chui tọt vô các dây đăng, nồ bắt cá dưới kênh, giở mọi vùng vẫy, kêu la cầu cứu cả bên ta và bên chúng :

— Cứu em với các anh ơi. Mắc kẹt rồi. Nước lên ...

Chiến sĩ bên ta cười khoái trá, hỏi lớn :

— Bộ là rái sao chui vô đó kiếm cá lột bụng vậy ?

— Đâu ? Tại các anh đánh giỏi trời thần. Không độn thủy, mất gáo rồi còn gì ? Các anh độn thổ, tụi em độn thủy. Huề.

Chúng chấp hai tay xá xá các cô gái, các bà má kéo ra lo tiếp thương, tiếp tế, nhờ cứu sống. Các má cũng cười ngất :

— Cứu tụi bay lần này thôi nghe. Cám ơn cụ Hồ đi. Một lần cho tồn tới già. Đừng đi nước mặn mà hà ăn chân.

... Sau đó vài ngày, được tin anh Hồng Sơn bị thương rất nặng. Một viên đạn xuyên qua cột sống lưng. Anh phải nằm bất động một chỗ.

Rồi bộ phận tăng cường phối hợp chiến dịch Điện Biên Phủ chúng tôi được lệnh trở về Phòng chính trị Phân Liên khu miền Tây, nhận công tác khác. Chưa biết công tác gì ?

Chúng tôi lại vui mừng gặp lại các bạn, giáo viên Trường tiểu học binh sĩ thân thiết nhiều năm, vui mừng vì còn sống, buồn ngủi vì nhiều người không trở về, vì những ngày sắp phải chia tay nhau.

Tôi gặp lại các cậu Phương, Chương Ấn, y sĩ Luật, Võ Hải Giang, Ngô Minh Huệ em ruột Bộ

trưởng canh nông Ngô Tấn Nhơn, các anh Hồ Văn Toàn hiệu trưởng trường, anh Hoàng Vũ, giáo vụ, anh Minh Tâm ...

Đêm xuống, bên dòng kênh 9 nước đỏ ngầu, chúng tôi quây quần uống trà quạu, nấu chè bí đỏ với nước cốt dừa. Các em Diệp Minh Tuyền, Lâm Kỳ Đạt, Tâm nhỏ, Tâm lớn hòa vào trẻ em hàng xóm nhảy múa bài "Yêu hòa bình Tổ quốc chúng ta" trong tiếng đàn ghi ta xập xình, tiếng gõ nhịp muống vào xoong, chảo ...

Các bà má lau nước mắt. Các cô gái nép sau cánh cửa ghen ngào. Các anh sẽ ra đi, biết ngày nào trở lại ? Máy năm trời sống chết có nhau chia ngọt xẻ bùi, tối lửa tắt đèn ... đều bên nhau. Đêm nào, các má, các cô gần Trường cũng kêu réo anh em chúng tôi :

— Vật con heo đái tụi bây. Tới ăn ghen. Không tới, đừng có hẹn hò sau này thêm mệt. Ăn hết, rồi có đi đâu thì đi. Buồn thúì ruột, tụi bây ơi ...

Một chiếc đệm trải rộng giữa nhà. Thức ăn bày la liệt. Chúng tôi ngồi xếp bằng chung quanh. Không sao cầm đũa được. Trên bàn thờ ông bà, bức ảnh cụ Hồ uy nghiêm nhìn xuống. Má Hai đốt nhang chấp hai tay thành kính cúi lạy cụ Hồ, nước mắt rờn rờn trên khuôn mặt nhăn nheo :

— Dân rầy U Minh tụi con xin kính lạy Cụ, cầu Trời Phật phò hộ Cụ sống lâu muôn tuổi, cảm đức sáng chỉ đường cho tụi con. Mai một đây, tụi con xin kính gởi Cụ bày con bộ đội của tụi con ra ở với Cụ, nhờ Cụ dạy dỗ nên người, để trở về với tụi con. Ngày mai thôi, con xin kính rước Cụ vô rầy U Minh ở tạm với tụi con trong hai năm. Tới ngày cả nước tổng tuyển cử thành công, tụi con lại xin rước Cụ trở về xóm, về con kênh nước đỏ này ... Hôm qua, đi chợ, con nghe thiên hạ xì xào rằng cái bọn giặc hung nô ấy đã nhận rằng cười cợt, nhẩy múa suốt ngày, chuẩn bị tiếp quản vùng này rồi, Cụ ơi ... Cái tụi ăn thịt người ấy mà kéo tới đây, làm sao sống được hả Cụ ?

Má khóc ròng, cúi lạy Cụ Hồ ba lạy. Đôi vai má nhô cao, run bần bật. Ba cây nhang trong tay má run bắn, quơ qua quơ lại.

Tiếng thút thít trong cửa buồng. Cô gái út của má không chịu được, chạy ra giặt ba cây nhang trong tay mẹ, chấp trước mặt, cúi lạy Cụ Hồ.

Chúng tôi đứng dậy, mắt ai cũng đỏ hoe. Sự thật là như má đã nghe ngoài chợ. Dù có giấu giếm thế nào, bà con cũng biết : Chúng tôi sẽ ra đi. Chúng tôi sẽ kéo đến trong hai năm. Nếu biết được như sau này mới biết : Không phải hai năm, mà là hai mươi năm long trời lở đất, máu lửa ngập trời, thì

cái đêm ấy, đau khổ biết dường nào.

Những đêm sau, tình hình càng căng thẳng, rồi rầm như tơ vò. Một ngày, có hàng chục lệnh hỏa tốc từ trên đưa xuống. Ai ở lại nằm vùng, tiếp tục cuộc chiến đấu trong hai năm. Ai sẽ ra đi. Tập kết ra Bắc xa xôi ? Miền Bắc là ở đâu, người, đất thế nào ? Chúng tôi không hề quen biết Hôm nay, người này được mật lệnh ở lại, lo thu xếp đồ đạc, bàn giao súng đạn, tài liệu, gia từ anh em. Bỗng lại có lệnh : Phải xuống tàu tập kết. Vì sao không ai kịp hỏi : Vì sao ở lại, vì sao ra đi ? Hội họp mật. Ngong ngóng. Ruột gan nóng như lửa đốt. Đêm về, đã nghe tiếng súng nổ xa xa. Đổ ra bờ kênh, chạy tới chạy lui, gặp ai cũng hỏi : Súng gì đấy ? Có phải chúng đã tiếp quản nơi đó không ?

Gần sáng, chị Tam Dân, vợ anh Tam Dân giảng viên của Trường đến lay chúng tôi dậy. Chẳng nói chẳng rằng, anh dẫn tôi và Phạm Tiến men theo bờ kênh 9 ra đầu vàm, quẹo vô nhà anh.

Một mâm cơm đơn giản giữa nhà. Chị Tam Dân mắt đỏ hoe, bảo cháu **Việt 8 / ĐC / VV**

— Kêu ba mày vô đi, con. Hai chú ngồi xuống đi. — Chị lại lau nước mắt — Chuyện nó phải vậy, chẳng ai muốn. Thôi, chia tay. Sáng mai, chị về thành sớm. Anh Tam Dân với cháu Việt ra Bắc.

Anh Tam Dân cao lớn, vạm vỡ, hề hề giả tạo,

ngồi xếp xuống đất :

— Không dám kêu ai. Chỉ hai chú thôi. Mới được lệnh hồi chiêu ... Chú Ngô Minh Huệ cũng vậy. Thím ấy đang khóc lóc, buồn quá. Ngày vui mà ...

Một con người từng trải, có tuổi, thường ngày hếch hạc, ung dung như anh Tam Dân mà run giọng, mà lau nước mắt thì, cái phút chia tay này đau đớn biết chừng nào. Đành rằng xa cách. Kê ra đi dù sao cũng yên một bề. Còn người ở lại, sống dưới chế độ nào ? Cái chế độ ấy, cần gì phải đợi nó đến mới biết ? Đã biết tông tông tong ruột gan nó từ tám mươi năm nô lệ, đã đi guốc trong bụng nó từ chín năm qua rồi !

Tôi và Tiến phụ thu xếp đồ đạc cho chị Tam Dân để chị kịp ra thành vào sáng sớm mai. Tôi và Tiến thỉnh thoảng liếc nhìn nhau. Không nói được lời nào. Có thể chúng tôi cùng thấu hiểu : Giấy phút thế này, may mắn sao, hai chúng tôi chưa có người yêu, chưa vợ con đùm đê. Như vợ chồng anh Tam Dân, anh Minh Tâm, anh Ngô Minh Huệ. Nhưng, sự thật là chúng tôi không thể nói mạnh miệng được. Chỉ nhắc lại những khẩu hiệu trên đưa xuống : Đi vinh quang, ở cũng vinh quang. Nghiêm chỉnh thực hiện điều 14C Hiệp định Giơneo ...

Gà gáy canh tư, tôi và Tiến lủi thủi men theo bờ kênh trở về trường. Ngang qua ngôi nhà lá ọp

ép của vợ chồng anh Ngô Minh Huệ, hai đứa đứng lại, im lặng nhìn rầy khoai sắn, rầy bí đỏ mênh mông dưới ánh trăng, lắng nghe tiếng con mương nước từ rừng sâu róc rách đổ ra kênh ...

Không đứa nào dám bảo : Ghé nhà anh chị Ngô Minh Huệ để từ giã chị ấy. Ngày mai, anh Ngô Minh Huệ phải chèo xuồng đưa chị ấy về thành, như chị Tam Dân. Ba năm sống ở đây, hai chúng tôi coi hai chị ấy như chị ruột, không cần ý tứ, giữ gìn gì cả. Thế mà đêm giã biệt hai chị, hai chúng tôi đành cắn răng trốn. Có thể lần này là phải xa nhau mãi mãi. Hai năm ư ? Làm sao mà biết chắc chắn được kia chứ ?

Đi là đi. Thế thôi. Nhưng bảo tin hai năm sẽ về, ít người tin lắm.

Ngoài vàm sông Trẹm, xuồng ghe nườm nượp, ngược xuôi. Kêu hỏi í ới. Kẻ đón người thân ngoài thành vào thăm và chia tay. Người đưa người thân từ chiến khu ra thành, gói gắm một ai đó trong hai năm nữa, sẽ về tìm lại. Nhiều cặp vợ chồng mới cưới vài hôm phải cấp tốc chia tay. Nhiều cặp mới yêu nhau, quyết tâm cưới gấp để chia tay. Hai năm ra đi, và hai năm ở lại với lũ chúng, biết chuyện gì sẽ xảy ra.

Trong ngôi nhà lá của vợ chồng anh Ngô Minh Huệ, nghe văng ra tiếng thút thít của chị ấy.

Trong không khí tơ vò giữa đi và ở ấy, tôi và Tiến không tài nào im lặng được nữa. Muốn sang Rạch Chệt tìm thăm Công, xem Công thuộc diện đi hay ở ? Nếu đi, chân cẳng như thế, đi bằng cách nào ? Nếu ở, sẽ về đâu ? Về lại miền Đông, hay ở luôn dưới này ? Loay hoay mãi, cũng không sao đi được. Tôi đành bảo Tiến :

— Có cách nào gửi thư về nhà tụi mình không ? Kiểu này, phải hàng tháng nữa, tụi mình mới xuống tàu. Chắc chắn bến tàu tập kết của tụi mình sẽ ở Chắc Bàng vùng này thôi.

— Tại sao mày biết ? Tiến thoáng vui, nhưng hỏi vặn tôi.

— Trên có thăm dò tao việc tạm công tác trong Ban chuyển quân tập kết trước khi xuống tàu ... Bí mật nhé.

— Mày bỏ tao à ? — Tiến tròn mắt.

— Không. Tao đâu, mày đó. Tao đã ngỏ ý với cấp trên. Chín năm qua, chỉ có tao với mày bên nhau ...

Tiến vui hẳn, bảo nhỏ :

— Viết thư đi. Có người về chợ Biên Hòa. Ngày mai, người đó đi. Tao bảo người quen của tao đưa thư mày cho chị Sáu mày. Hẹn tìm tụi mình ở bến tàu Chắc Bàng ...

Thế là chúng tôi viết ngay thư gửi về Biên Hòa cho gia đình Tiến và chị Sáu tôi.

Chiều hôm sau, có lệnh điều động tôi và Tiến nhận công tác tại Ban tiếp đón tù binh ở Côn Đảo, Phú Quốc về.

Được cấp một chiếc ghe tam bản hai chèo. Hai đứa khăn gói, ba lô ..., ngậm ngùi chia tay Ngô Minh Huệ, anh Tam Dân, Võ Hải Giang, Phương ... Hẹn gặp lại nhau tại miền Bắc.

Đêm ngày, tôi và Tiến chèo rồng rã dọc sông Trẹm sương mù giăng phủ, hơi nước nóng ẩm, xuồng ghe tập nập.

Hai ngày đêm sau, chúng tôi đến Rạch Dừa tận cùng mũi Cà Mau âm u, sông nước mênh mông.

Cùng vài người nữa, chúng tôi bắt tay vào trang trí địa điểm đón nhận tù binh, cán bộ, nhân dân bị chúng giam giữ ở Phú Quốc vừa được trao trả.

Đó là lần đầu tiên tôi làm quen với con chim hòa bình nổi tiếng của danh họa Picátô. Tiến và ba người nữa lo trang trí, chuẩn bị nhà cửa đón tiếp. Tôi lao vào vẽ khẩu hiệu, trình bày nhiều địa điểm một lúc. Đêm nào cũng thức trắng.

Dưới kênh, sông, lúc nào cũng đông nghẹt thuyền ghe, tàu bè từ cửa biển đổ vào. Cảnh gặp nhau giữa người bị giam hãm lâu ngày và người đón

tiếp trong không khí tự do, thân ái vô cùng cảm động, không giấy mực nào tả xiết. Nhiều người bị đánh đập, biệt giam đến tàn phế, nay phải khiêng, công ... Nước mắt ướt đầm mặt mũi. Khóc thét lên vì vui mừng. Thuyền chưa kịp cập bến, đã nhào ào xuống, lớp ngóp, gào to :“Đồng chí. Đồng chí ơi ...”.

Một đêm, tôi được gặp lại thầy giáo Vang, nguyên là Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Tân Uyên lúc tôi làm Trưởng ban giáo dục huyện. Thầy nhào xuống thuyền, với với về phía tôi, chỉ thấy có hai hàm răng trắng lóa và khuôn mặt đen sạm, góc cạnh.

Tôi lật đật rà chèo, thò tay kéo thầy lên thuyền. Thầy ôm chầm lấy tôi, tiếng khóc không thành tiếng của thầy cứ ụp ùm trong cổ.

Vài người nữa cùng chuyển trao trả với thầy cũng nhào xuống dòng sông, bám be ghe tôi, trèo lên. Dường như không làm ngay thế, có thể thuyền của họ bất ngờ bị kẻ địch lôi trở ra đảo Phú Quốc vậy ... Nước tràn đầy ghe. Ghe bị chìm nghiêng. Thầy Vang và các bạn tù của thầy vẫn bám lấy tôi và chiếc ghe của tôi ...

Đêm hôm đó, trong cái lán dài đơn sơ chúng tôi vừa làm bên dòng sông Rau Dừa heo hút, các bạn tù của thầy Vang và chúng tôi quây quần bên đống lửa cây tràm lứt, un muối, kể chuyện đời,

chuyện trong tù, tội ác của giặc ở trại giam Phú Quốc.

Dọc bờ sông, chỗ nào cũng có những đồng lửa “kể chuyện” như thế.

Đồng bào Rạch Dừa kéo đến đông nghẹt dòng sông, bằng thuyền tam bản, thuyền ba lá. Ghe nào cũng chở khăm trái cây, thức ăn, quần áo ...

Các bạn tù ở miền U Minh chạy đi hỏi thăm người quen, tình hình những ngày này ở quê mình, nóng lòng chạy bung về ngay với cha mẹ, vợ, con, làng xóm. Chuyện thì ít; mà nước mắt thì nhiều.

Nhiều bà mẹ cứ rờ mặt mũi, đôi vai gầy gò xương của các anh tù, khóc rưng rức; nguyên rủa tội ác kẻ thù ... Tội nhất là các anh tù quê ở miền Đông Nam Bộ xa xôi như thầy giáo Vang. Làm gì có người quen ở tận cùng Tổ Quốc thế này để sưởi ấm những ngày vừa xỏ lông ? Hình như, chỉ có tôi và Phạm Tiến thôi. Cũng có, nhưng họ đang công tác ở các bộ phận khác.

Phạm Tiến chạy đi kiếm cá lóc, rau dừa, bông súng, mắm đồng làm một bữa cơm ề hề, đãi thầy và các bạn tù của thầy. Nhìn thầy và các bạn tù của thầy vừa ăn vừa lau nước mắt, chẳng sao kèm được nước mắt. Có người vẫn cúi lom khom, nửa ngồi nửa quỳ khi ăn cơm. Lặng làm lạ, Tiến hỏi, thầy Vang buồn bã đáp :

— Bị chúng biệt giam lâu quá, quen vậy đó ... Trại biệt giam ở Phú Quốc nằm giữa trời, phía Nam đảo. Mỗi người không đầy hai mét vuông, cao bảy, tám mươi phân. Chung quanh, dưới mặt đất, trên đầu, đều dây thép gai. Nằm không được. Ngồi không được. Đứng không được. Cả năm, phải lom khom như vậy, mặc cho mưa, nắng ...

Có nhiều người đầu luôn ngoẹo sang một bên, miệng méo giật liên tục, tay, chân quẹo quặt. Giờ được tự do rồi, vẫn không sao bận quần áo cho quen được.

Thầy Vang còn kể nhiều nữa. Nhưng, có nhiều bạn của thầy tự nhiên nhảy tung lên, co giật, la lối như đang bị tra tấn.

Thầy im lặng, buông dũa, lau nước mắt.

Phạm Tiến chạy lên Ban chỉ huy Tiếp đón, hỏi thăm cách làm giấy tờ cho thầy trở về quê.

Gà gáy canh tư khắp kênh, rạch.

Nhìn thầy gối đầu lên khúc cây ngủ vùi, chúng tôi bần khoản quá. Phải về tận miền Đông chúng tôi bằng con đường hợp pháp thôi. Ra chợ Cà Mau đi xe đò về Cần Thơ, Sài Gòn. Từ Sài Gòn về Biên Hòa quê chúng tôi và thầy Vang. Liệu gặp chúng nhiều ngày như thế, thầy có chịu đựng được không ? Liệu chúng có làm khó dễ gì không ? Mật thám, các sắc lính của chúng đạo này dày đặc thành phố.

Nhón nháo. Trắng, đen lẫn lộn.

Đang ngủ say, thầy vùng dậy, kêu thét, chạy dọc bờ sông tối đen. Chúng tôi phải chạy theo giữ thầy lại. Nồi lửa hơ ấm cho thầy. Thay quần áo mới kiếm được cho thầy.

Tỉnh lại, thầy hỏi chúng tôi đủ thứ chuyện, nhất là chuyện về các bạn của thầy, về vợ, con, làng xóm

Tôi và Tiến lần lượt kể chuyện cái Trường Tiểu học kháng chiến huyện Tân Uyên ở chiến khu Ông Đông — Bình Chánh, gần cơ quan huyện Tân Uyên của thầy. Chuyện các học trò Trường tiểu học kháng chiến do tôi làm Hiệu trưởng, có các trò vốn là lũ xây lỗ cố làm liên lạc của cơ quan Ủy ban kháng chiến hành chánh huyện Tân Uyên, như Năm Bình, Trương Đình Cát, Ngọc đen, Trần, Báu, Thơ. Chuyện các em Bình và Cát, Ngọc vì đói, thèm thịt quá nên ép cho con ngựa của Chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chính huyện là thầy lột xuống hố, què chân, để xẻ thịt. Chuyện các con của thầy như trò Tòng vẫn còn theo học trường ấy đến ngày hòa bình Giơneo. Mai một, về tới trên đó, chắc chắn thầy sẽ được đoàn tụ với gia đình, các con như trò Tòng. Chuyện anh chị em bộ đội, cán bộ miền Đông Nam Bộ phải cấp tốc thu xếp, chôn giấu vũ khí, hành quân xuống Bà Rịa, Vũng

Tàu ... kịp xuống tàu tập kết ra Bắc theo qui định của Hiệp định Giơ-neo ...

Thầy hỏi rất nhiều về các anh, các chú cùng cơ quan cũ với thầy như : Phó chủ tịch huyện Lê Văn Thèn rất nghịch ngàmi, lúc nào cũng cái cười nửa miệng. Như ông Lê Công Hoành, chánh văn phòng, vốn thư ký Nhà giấy thép gló ở Sài Gòn trước năm 1945, cùng vợ và các con theo kháng chiến, Ủy ban kháng chiến hành chánh huyện đi đâu, gia đình ông theo đến đó. Như anh Mai Sơn Việt, Phó chủ tịch huyện, anh Tào, Ủy viên Ủy ban, anh Nguyễn Huỳnh Lương ở Nông dân huyện, (sau năm 1975, làm Bí thư tỉnh Sông Bé, lấy tên là Sáu Phát), như anh Khiêm ở Thanh Niên, Văn phòng Huyện ủy Tân Uyên, sau năm 1975, làm Bí thư tỉnh Đồng Nai.

Nghe kể đến đâu, thầy bùi ngùi lau nước mắt đến đó. Nghe kể về anh Tám Huỳnh Văn Nghệ, thầy háo hức muốn hỏi thêm rất nhiều về anh Huỳnh Văn Nghệ. Quê của thầy và anh Tám Nghệ vốn là hai làng kế cận, cùng chiến khu Đ, từ những ngày đầu cuộc kháng chiến hai người vốn rất gần bó với nhau. Nghe tin anh Tám Nghệ vẫn mạnh khỏe, làm ăn ngon lành, thầy rất mừng, bảo :

— Xứ Đồng Nai mình, còn được anh Tám Nghệ, còn làm ăn khá. Chợt thầy ngăn người,

hỏi tôi — Nè, anh Tám Nghệ có đi tập kết cùng anh em bộ đội, cán bộ không ?

Không hiểu sao, thầy Vang rất lo lắng về chuyện ấy. Thật sự là lúc ấy, tôi và Phạm Tiến không hiểu được sự lo lắng của thầy.

Khi hỏi thăm tin tức các anh Hai Huỳnh Văn Đính, bí thư huyện ủy Tân Uyên, anh Lê Huyền, Phó Bí thư huyện ủy, mắt thầy như mờ lệ. Biết bao kỷ niệm giữa thầy và các anh ấy. Nghe tôi nói tin anh Lê Huyền đã hy sinh, thầy khóc. Nước mắt già biệt của một ông già vừa thoát khỏi tù đầy khóc một người đồng chí hy sinh ở mặt trận, đau đớn xiết bao.

Hai ngày sau, khi cầm tờ giấy của Ban Tiếp đón do tôi trao, thầy bỗng òa khóc. Vì giờ phút chia tay. Vì nhiều nỗi truân chuyên của cuộc đời. Vì con đường công khai từ đây về đến ai địa đâu của Nam Bộ ... Chắc chắn là thầy phải ở lại miền Nam bí mật đấu tranh, tôi và Phạm Tiến sẽ ra đi tập kết, thầy lau nước mắt, run giọng :

— Thôi, đi hay ở ... cũng gian khổ như nhau thôi. Biết nói thế nào ? Và trên đó, nếu gặp được người thân của hai chú, tôi sẽ thuật lại mọi chuyện ở đây, những ngày này ... Hai năm-Thầy kêu lên đau đớn trong cổ họng, tôi tưởng tiếng kêu của con chim sắp đâm đầu xuống vực thẳm — Hai năm ...

Tôi biết, hai tiếng “Khó tin” đã dăng tận mọi thày, nhưng không bật thành lời được. Bởi, nhiều lẽ lắm. (Chỉ hai chục năm sau, những người còn sống sót hôm nay, hồi nhớ lại giây phút chia tay kẻ ở người đi lúc này, mới hiểu được hai tiếng “Hai năm”. Hai năm, lúc ấy đã trở thành hai mươi năm đắng cay, mất mát, muôn vàn gian khổ, trời long đất lở ...).

Chương hai

Chợt nhớ vùng này rất gần khu căn cứ của cơ quan Nam Bộ đóng, một hôm, tôi bảo Phạm Tiến :

— Tiến nè, mấy ngày nay huôn huôn, không có đợt trao trả mới, hay hai đứa mình đi tìm Hội Văn Nghệ Nam Bộ của anh Lưu Quý Kỳ coi cái quyển tiểu thuyết Võ Đất của tao đã in chưa ? Tao nóng ruột quá. Còn cuốn tiểu thuyết Bông hường bông cúc nữa. Nghe anh họa sĩ Huỳnh Văn Gấm nói đang sắp chữ cuốn Bông hường bông cúc mấy tuần nay, nóng ruột quá ...

Phạm Tiến vốn hiền tính, cười hề hề :

— Đi thì đi. Nếu gần, tìm luôn Đàm Cùng chỗ ở của chị Bửu vợ anh Ngô Minh Huệ coi ra sao há ?

— Ừ.

— Nhưng, tao mệt lắm. Mày chèo nghe.

— Được. Xuôi gió, mày chèo, tao nghỉ. Ngược gió, tao chèo. Mày chắt cho tao hai tàu dừa làm buồm sẵn đó. Có gió, hai tàu dừa bằng hai đũa chèo. Khỏe re.

Thế là suốt hai ngày hai đêm, tôi và Phạm Tiến lênh đênh trên các dòng kênh thẳng tắp, các dòng sông menh mông, lúc nào cũng nghe sóng biển rì rầm đâu đó rất gần, rất xa. Xứ này, ở đâu, lúc nào, xa biển hay gần biển, cũng nghe rì rầm tiếng sóng biển. Lạ thật. Hình như mặt đất thấp hơn mặt biển vậy.

Ban đêm, trên các dòng kênh đào thẳng tắp, tràn ngập ánh trăng, thuyền, tàu tấp nập. Tiếng máy nổ. Tiếng người í ới, tìm người quen lưu lạc nhiều năm vì kháng chiến, vì Tây triệt hạ làng xóm. Tìm gặp ai đó, kêu khóc, kể lể thảm thiết. Hẹn hò ngày gặp lại. Vẫn là kẻ đi, người ở. Lúc nào, chỗ nào, cũng gặp cũng nghe hai tiếng ấy, cảnh ngộ ấy “Hai năm thôi mà”. Nhiều cô gái, bà mẹ từ Sài Gòn theo đường công khai tìm xuống, không gặp ai, hoặc người thân đã ngã xuống, khóc ngất trên thuyền. Mặc cho con thuyền nghiêng ngả, quay ngược, quay xuôi, nước ròng trôi xuống, nước lớn trôi lên ... Khi tỉnh lại, chỉ một trời đầy nước và ánh trăng nhờ nhờ sương mù. Quơ tay, quơ chân chỗ nào, cũng chỉ

cố nước

Gió thổi mạnh theo hướng đi tìm, hai chiếc tàu dừa quất phành phạch. Con thuyền uốn mình vọt mạnh khiến tôi và Tiến choàng thức, dụi mắt, bàng hoàng

— Đây là đâu ? — Tiến hỏi.

— Để tỉnh táo chút coi. Tao cũng ngủ vùi như mày. Coi chừng, ghe lại quay về chỗ ra đi, chết mẹ.

Nhìn ngó một lúc, chỉ thấy hai bên bờ sông toàn rừng được rừng nhấm cổ thụ, ngọn dừa nước chĩa lên trời như rừng gươm.

Nghe tiếng động, cá trắng nhảy bắn lên, lấp lánh trong ánh trăng. Vài con cò trắng cất bay, ướm quặt đôi cánh ngái ngủ chấp chới ngọn bần um tùm, lấp lánh từng đợt ánh sáng đom đóm chớp, tắt đồng loạt đều đặn. Cánh rừng được hứng hiện trong chốc lát, lại chìm ngấm trong bóng đêm. Tận cùng đất nước. Chơi vui. Bên tai, sóng biển l'âm, l'âm xa xôi, gần cận.

Tiến thì thào :

— Hình như lọt qua Thái Lan hay Cao Miên gì rồi ... — Tiến, nhìn tôi, thất vọng, lo lắng.

— Ghe này, làm gì vượt qua vịnh Thái Lan được ? Bình tĩnh coi

Chợt có tiếng ghe, chèo, đâm ào ào từ giữa

khu rừng được hiện ra. Tiến càng lo lắng. Nhưng tôi lại mừng. Đường đi ở miệng mình. Ông bà ta đã nói vậy.

Thấy thuyền chúng tôi lên đênh, bên thuyền lại cũng nghi ngờ, rà chèo lại. Lát lâu sau, mới có người cất tiếng hỏi qua

— Ai đó ? Đi đâu vô đây vào giờ này ?

Tôi thoáng mừng. Nghe giọng nói và cách hỏi, không phải mật thám, Việt gian. Tôi e dè cất tiếng hỏi lại :

— Anh ơi ... Đây là đâu ? Tụi tôi muốn đi tìm cơ quan Xuất bản Dân chủ mới, Hội Văn nghệ Nam Bộ ...

Im lặng lát lâu, mới nghe người bên kia đáp lại :

— Tìm họ làm gì ? Có giấy tờ gì không ?

— Dạ, tụi tôi đi tìm để hỏi thăm cuốn sách được giải thưởng của tụi tôi đã in chưa, sao không thấy ?

Có nhiều tiếng thì thầm trao đổi bên kia. Lát sau, có tiếng chỉ đường :

— Anh cứ chèo ghe theo con sông này, cùng hướng đang đi, tới một ngã ba sông, quẹo trái, lội vô rừng được, gặp một ngã ba sông nữa, quẹo phải, thấy năm cây cọc đá ...

Sốt ruột quá, Tiến vọt hỏi :

— Có xa lắm không anh ?

— Nếu chèo hai chèo, thuận gió như vậy, độ một tiếng thôi. Mà lẹ lẹ nghen. Họ đang tháo lắp máy móc gì đó, chuẩn bị mà.

— Chuẩn bị gì hả anh ?

— Hỏi làm gì mà hỏi dữ vậy cha nội ? Mật thám hay Việt gian mà ham hỏi dữ vậy ? Đi tập kết chớ đi đâu ? Trên trời mới rớt xuống hả ? Hay dưới âm phủ mới chui lên ?

Vậy là chia tay. Xắn tay áo vùng chèo. Đứng trước mũi, Phạm Tiến càu nhàu một lúc, cũng đành phải múa dầm. Biết làm sao bây giờ. Đâu có con đường thối lui ? Lạ nước, lạ cái. Tận cùng đất nước rồi. May mà gặp được chiếc ghe đó. Nếu không, thật chẳng khác trên trời hay dưới âm phủ. Hỏi ai ?

Vành trăng khuya đã chui tọt vào những tầng mây sà thấp, sũng nước. Khu rừng được tối thăm, mịt mù. Gặp một đám rừng cây bần cổ thụ sà thấp mặt nước như quăng ánh sáng dom đóm, mới biết thuyền mình vẫn đang đi, dòng sông, con thuyền và cả hai chúng tôi là sự thật. Cứ có cảm giác càng đi sâu vào khu rừng, được già cỗi, đêm càng khuya, con thuyền của chúng tôi càng chui sâu phía dưới mặt biển đang lằm đầu đây. Gọi là sông, nhưng so với khu rừng được đại ngàn, nó nhỏ hẹp lắm, hun

hút dưới tàn cây được um tùm, cây bần chấp chới đèn ma trôi của đóm đóm bầy. Mái chèo khuấy nước, ánh lân tinh xanh lè, rạo rục. Nước mặn rồi. Sắp tới biển Cà Mau. Nơi tận cùng đất nước rồi. Tôi kêu thầm thế. Không sao vớt bỏ được khỏi tâm tưởng cái ấn tượng "Tận cùng", "Tận thế". Không một mái nhà. Không một bóng người. Không một tiếng chim. Chơi vui. Lơ lửng. Càng ngày càng đi xuống phía dưới mặt biển.

Tiến bỏ dầm, lồm cồm bò lặn lại phía tôi, im lặng, hồi hộp.

Một con cá gì đó lao vòng cầu lên, quẫy cựa một thoáng, rơi đúng ngực Tiến. Tiến hự một tiếng, ngã dựa vào cột chèo, quờ tay nứ chân tôi.

— Cái gì vậy Tiến ?

— Chim sa cá lụy. Trở lại đi.

Tôi im lặng, cắn răng ấn mạnh hai tay chèo. Nước bắn cả vào thuyền. Cốt làm cái gì đó gây ấn tượng đây là sự thật, là hai chúng tôi đang chèo ghe thật, đang đi tìm Nhà xuất bản thật

— Ngã ba sông rồi kìa ? — Tiến run giọng
— Quẹo trái đi.

— Ừ, quẹo trái. Quẹo trái, quẹo phải. Muốn quẹo đâu thì quẹo.

— Mà y lẩn nhảm gì kỳ cục vậy ? Tỉnh lại đi.

Tôi cất tiếng cười, tưởng sẽ làm cho Tiến và tôi tỉnh lại. Chẳng ngờ, càng cười to, khu rừng âm u, tận cùng, mặt nước bênh lên, càng khiến chúng tôi lo sợ. Bốn chung quanh, từ cánh rừng được thâm u dội lại tiếng cười của tôi. Tiếng cười lướt rộn ràng trên mặt nước, dội ngược lại và rượt đuổi hai chúng tôi.

Chợt, một con rắn rất dài, rất lớn từ trên ngọn cây được già nua phóng xuống, lướt qua đầu Tiến, đánh đeo qua cành cây được già bên kia dòng sông nhỏ.

— Hự .. Cái gì vậy ? — Tiến la lớn.

— Rắn. Rắn lớn lắm. Nó đeo mà cành cây được oằn xuống sát mặt nước kia.

— Coi chừng, rắn hổ ngựa. Rắn hổ ngựa vùng này có mòng ở đâu, cất cao lưng chừng ngọn cây, đi như gió ... Ông Ba Hai của cô Ba Thái kể, mà không nhớ à ?

— Nhớ. Nhìn kìa. Nó đang đi ...

Quả thật, dưới ánh trăng vừa hiện khỏi tầng mây đen, con rắn loang loáng, cất cao đầu, lướt ào ào qua các ngọn cây được già ... Rồi không thấy con rắn đâu nữa. Chỉ còn thấy các ngọn cây nơi nó đi oằn xuống, quằn quại như có cơn giông lớn đang đi qua. Ào ào. Lá được rụng bay sà xuống mặt nước đắm ánh trăng cuối đêm.

Tôi bâng hoàng, ngừng tay chèo ngồi thụp xuống lái thuyền, quờ tay núm cạnh được giữ cho thuyền đứng im trong bóng tối.

Lúc ấy, tôi mới sợ cái quầng ánh sáng lân tinh của đom đóm bay mà trước đó tôi rất thích ngắm nhìn trong đêm. Cái quầng ánh sáng đẹp đẽ này có thể giúp con rắn thần trông thấy chúng tôi mất. Tôi thì thầm cùng Tiến :

— Im lặng. Nó biết được chết ráo.

Tiến hự hự trong cổ, bám chặt vào cổ chân tôi.

Vài phút nghệt thở trôi qua. Vầng trăng vụt chui ra khỏi đám mây đen. Rừng được hiện rõ ràng, như được tắm gội qua cơn mưa đầu mùa. Đường chân trời phía trước mặt hiện nhiều nan quạt hồng nhạt từ mặt biển chiếu lên.

Trời đã sáng rồi. Gà trong rừng được hay trong xóm làng đầu gần đấy gáy eo óc. Cái sợ ám ảnh chúng tôi cũng theo tiếng gà, theo chân trời rạng đông được xua tan dần ...

Chúng tôi thở dài, nhìn nhau, nhìn cánh rừng chung quanh. Lẽ nào có thể như cơn mơ thế nhỉ ? Con rắn thì có thật. Cảnh cùng trời cuối đất, tận cùng đất nước cũng là có thật. Thế cái tâm trạng “tận thế” của hai chúng tôi ? Có thật hay bị ảo giác xâm chiếm, lờ đi ?

Đến khi có tiếng rao của cô gái nào đó : “Ai bánh lọt không” từ ngã ba sông vang đến cùng tiếng gà gáy, tôi mới hoàn toàn tỉnh lại.

Cô gái bơi thuyền bằng hai bập dừa nước. Con thuyền nhỏ như chiếc vỏ gòn, chòng chành. Giữa thuyền, bếp lò đồ lửa, khói lơ lửng cùng mùi bánh lọt béo ngậy.

Tôi tập thuyền lại gần, Tiến đưa mắt thăm hỏi tôi định làm gì thế này ? Ăn bánh thật à ? Suốt đêm qua, chúng tôi có ăn gì lót bụng đâu ?

Cô gái cho hai lon bột vào chiếc rổ có nhiều lỗ, kê bên trên miệng nồi đất trên bếp lửa, dùng thanh tre gõ mạnh vào thành rổ Bánh lọt từng sợi dài lọt xuống nồi nước cốt dừa đang sôi sục.

Cô nhoen cười trao hai chúng tôi hai tô bánh thơm ngát, tỏa hơi.

Ăn thêm mỗi đĩa một tô nữa, tôi hỏi cô gái :

— Cô ở vùng này lâu chưa cô ?

Cô vén mái tóc dài ra sau lưng, nhìn tôi, hỏi lại :

— Các anh từ đâu tới hả ? Tôi ở đây từ nhỏ. Sống bằng nghề này thôi.

— Vậy, có khi nào cô có nghe người dân ở đây nói về con rắn thần ...

Cô gái tái mặt nhìn cánh rừng được, giọng

run run :

— Sao ? Các anh có gặp à ?

Cô lật đặt thối lại tiên thừa cho chúng tôi, đây nôi bột bánh lọt lại, quơ dăm.

— Cô đi ngay à ? Hối vậy thôi. Chúng tôi có thấy gì đâu

Cô ngừng tay dăm, nhìn tôi bán tín bán nghi, và cho mũi ghe quay trở lại.

— Hú vía Anh làm tôi sợ quá ... Mấy đêm trước, đầu tháng có hai chiếc ghe tam bản sang trọng qua đây giữa đêm khuya, la làng chòi hỏi, nhẩy xuống sông lội quáng quàng vô xóm rẫy trong kia. Ông rắn thần xuất hiện, cái lưỡi đỏ lôm, dài thế này nè ... Vài năm, ông lại xuất hiện một lần, đòi tế vật ...

— Tế vật gì ? — Tôi lạ lòng hỏi.

Cô gái nhìn ngó bốn chung quanh cẩn thận, mới thì thầm :

— Khi thì một con heo quay. Khi một con vịt ...

— Không đòi con gái đồng trinh à ? Tôi đại dột hỏi.

— Tâm bậy. — Cô gái giận dữ, tưởng tôi chế diễu ông rắn thần của cô.

Tôi phải hai ba lần xin lỗi cô. Tôi bất giác

nhìn rõ nước da trắng bóc trên khuôn mặt trái xoan của cô, mái tóc óng ả, khung ngực no tròn của tuổi mười bảy, mười tám gì đó của cô. Có lẽ nào, dân làng đã từng ngắm ngắm chọn cô làm vật tế thần cho rắn thần kia ?

Mặt sông dập dềnh, bát ngát, không thấy rõ đâu bến đâu bờ vì sương mù dày đặc bốn chung quanh. Tiếng ỉ ầm triền miên của sóng hiền rất gần. Mới hay, ở nơi cùng trời cuối đất này, người dân thích cái lương, vọng cổ, các điệu hò buồn thảm, du dương ... Cà Mau, Bạc Liêu ... là cái nôi của điệu Vọng cổ hoài lang thuở sơ sinh, mới có sáu nhịp, các điệu Nam ai, Nam xuân điệu hò Bạc Liêu phỏng theo thơ Lục Vân Tiên của cụ Đồ Chiểu.

— Máy tháng trước, có hai chú cán bộ của Nhà Xuất bản gì gì đó ở gần đây cũng bỏ ghe lội sông tương chết vì gặp ổng. ổng cất cao đầu trên ngọn cây, đá như bay bay trong mây ...

Tôi giật mình :

— Xuất bản gì ? Cô nói Xuất bản gì ở gần đây ?

— Ai biết Xuất bản gì, là cái gì ? Là nghe tía tôi nói vậy.

— Cô có biết chỗ đó không ?

— Biết. — Cô ngoái đầu đưa tay chỉ về đám sương mù bay la đà sát mặt sông, mờ mờ vài rặng

dừa nước :

— Chỗ đó đó. Phải chèo ghe sâu vào đám rừng đước. Coi chừng ông ...

— Nếu gặp thì phải làm sao ?

— Ngồi im. Chấp hai tay xá xá ông, van vái, hứa sẽ cúng một đôi vịt gì đó ...

Tạm biệt cô gái bán bánh lọt trên sông nước, chúng tôi mãi miết chèo. Thỉnh thoảng, cũng có nghe vài tiếng huýt gió trên rừng đước, trong đám lá dừa nước bạt ngàn, gặp vài chiếc thuyền hai chèo vội vã.

Đến trưa, con thuyền của chúng tôi đâm mũi vào một nhà sàn giữa khu rừng đước heo hút. Có thể hiểu đây là một căn cứ quan trọng của một ngành nào đó cần tĩnh tại.

Thoáng trông thấy bóng người quăng gàu xuống mặt sông mức nước đổ vào khạp chứa, tôi ngờ ngợ, bảo Tiến :

— Nhìn kỹ cái ông đang mức nước kia, Tiến. Sao quen quen ...

Tiến ngừng tay đâm, nhìn một lúc, cũng bảo :

— Quen thiệt. Giống ... ông Hoàng Thơ ở Ty giáo dục Biên Hòa. Tôi rà chèo, quẹo đầu ghe vào sàn nhà, cất tiếng hỏi :

— Có phải ... ông Hoàng Thơ ở Ty Giáo dục

Biên Hòa không ?

Người đang xách nước giặt mình, buông gàu, che tay nhìn ra lúc lâu, ông ta mới “à” một tiếng vui mừng, cất tiếng cười rất thân thuộc :

— Đi đâu dưới tận cùng đất nước này, cha nội ? Vô đây. Hay lắm. Buồn ngủ mà gặp chiếu manh ...

Mũi thuyền cắm vào sàn nhà. Tiến nhảy lên trước. Tội lôm côm bò ra mũi ghe.

Hoàng Thơ thò tay lôi lên sàn nhà bằng cây dước ghép lại. Quanh anh, nhiều bao cà—ròn đựng sách, giấy, mực, cá khô xỏ xâu

Cả hai chúng tôi và anh Hoàng Thơ đều bàng hoàng phút gặp gỡ quá bất ngờ. Chúng tôi tranh nhau hỏi, chẳng ai chịu trả lời. đành phải chịu thua anh Hoàng Thơ. Đó là cái tật cố hữu của anh. Hiền lành, nhu mì, lịch sự, nhưng thích hỏi nhiều hơn nghe. Gặp nhau, hỏi một thôi một hồi, xỏ ra trăm thứ chất chứa trong lòng đến không kịp thở. Đang ý này, nhảy sang ý khác, chẳng đợi trả lời. Hồi ở Ty giáo dục Biên Hòa, vẫn thế. Có thể vì hoàn cảnh công tác độc lập của anh. Thường phải sống một mình giữa rừng sâu, nơi heo hút, tận cùng. Một mình một bếp lửa, một mảnh rừng chỉ có suy nghĩ, tự nói với mình. Đối chuyện trò. Đối tin tức.

Mấy năm kháng chiến ở Ty giáo dục Biên Hòa.

anh ở Ban tu thư, ở Ty Thông tin Biên Hòa của anh Hoàng Tam Kỳ, lo soạn bài và in ấn. Xưởng đây, vẫn ở Nhà xuất bản, cơ quan đóng quân nơi yên ổn, heo hút thế này.

Anh hỏi tới tập tin tức miền Đông, chiến khu Đ. Bạn bè quen thuộc từ ngày đầu kháng chiến năm 45. Thầy giáo Tài đầu bạc. Thầy Miên, thầy Ngồi. Ông Lê Văn Đông phó ty. Các trưởng ban giáo dục các huyện. Chẳng đợi trả lời. Anh cứ hỏi. Vừa hỏi vừa nới lửa nướng cá, nấu cơm, soạn sách vở. Mùi cá nướng thơm lừng. Nồi cơm sôi lúp búp. Bỗng nhiên, vẫn miệng nói, tay anh lôi ra hai quyển sách còn thơm mùi mực in, trao tôi, cười hề hề

— Đây. Ngon chưa ? Đẹp, đang hoàng, tròn trịa nghe cha.

Tôi vội lấy quyển tiểu thuyết Võ Đất của tôi, đưa lên mắt sẫm soi, hít ngửi. Đó là tác phẩm đầu tay của tôi được in thành quyển, in bằng chữ chì dùng hoàng. Nhìn qua cái bla, tôi nhận ra ngay nét vẽ quen thuộc của Hoàng Thơ : Ván mấy tàu lá mặt cắt chấm phá đậm, nhạt. Một anh nông dân đứng dạng chân chèo quay búa chặt cây rừng phát rầy.

Mấy năm trước, lúc còn ở chiến khu Đ anh Hoàng Thơ đã trình bày hai tập thơ của anh Huỳnh Văn Nghệ, vẽ những tàu lá mặt cắt chấm phá, đậm, nhạt thế này. Thêm hai con nai cách điệu, vài

con sáo giăng cánh. Đó là hai tập thơ "Con nai" và "Con sáo", của anh Huỳnh Văn Nghệ. Ngày ấy, tôi đang công tác giáo dục kháng chiến. Đi đấu, tôi cũng mang theo hai tập thơ ấy.

Anh Hoàng Thơ cười cười, bày cơm, cá ra chén, miếng dưa, chỉ quyển thứ hai cạnh tôi, hỏi

— Có biết quyển gì đây không ? Sao chỉ mề có quyển Võ Đất thôi vậy ? Bộ quyển "Giọt mưa thu" này tẹ lăm sao ?

Tôi giật mình cùng Tiến coi kỹ quyển "Giọt mưa thu". Trên bìa, vẫn tên tác giả là tôi. Dưới tên tác phẩm, là Nhà xuất bản ngoài thành, tại đường Amiral Rose - 70. Bên trong, vẫn là tiểu thuyết Võ Đất.

Anh lại cười cười bảo

— Thôi, cầm dưa đi hai cha nội. Ngon lành rồi. Phải in thêm loại phát hành ngoài thành cho bà con trí thức đọc.

Quẹt dưa trong đáy nồi cá kho vài lần, tự nhiên anh nhảy sang đề tài khác, rất trúng ý chờ đợi của tôi :

— Cuốn Bông hường bông cúc của cậu, dư luận thích, khen. Đang sắp chữ, thì ... tháo dỡ. Biết sao không ? Chuyển quân tập kết.

Anh thở dài vẻ thông cảm cùng tôi :

— Đành chịu. Hôm trước, anh Huỳnh Văn Gấm có nói chuyện đó với mình. Tiếc lắm ... Thôi, ráng đợi, ra Bắc, lại in. Có khi lại in đẹp, đang hoàng hôn. Được nhiều người đọc hơn ở đây. Heo hút chơi vui. Tận cùng đất nước ... Cậu có cái cảm giác chơi vui, tận cùng khi xuống đây không ?

Tôi nín lặng, tiếc rề cuốn Bông hường bông cúc. Tôi thuật sơ qua hoàn cảnh viết cuốn ấy...Anh an ủi :

— Đời cậu còn dài, lo gì — Anh bỗng thở dài — Mình phải ở lại. Về thành hoạt động công khai. Cũng thích, mà cũng gay go. Cậu với cậu Tiến có nhắn gởi gì không ? Ráng nghe. Ráng viết. Gặp lại nhau, mình mong được đọc nhiều của cậu. Tiếc là những cuốn trong tương lai của cậu, mình không được trình bày. Không có tàu lá mật cật quen thuộc của chiến khu Đ của tụi mình. Hồi theo học trường Mỹ thuật Biên Hòa trước khi nhảy vào kháng chiến mình mê hai khoa : Trang trí, trình bày bìa sách và nghiên cứu gốm. Gốm mỹ nghệ, gốm gia dụng. Bập vào cái ngành đó, mê chết được. — Anh quay lại miết đầu ngón tay cái vào lọ gốm anh mang theo từ chiến khu Đ miền Đông xuống tận cùng đất nước nơi heo hút này, về thích thú ra mặt. — Anh tiếp tục : — Cái thứ gốm đó, là đặc sản của xứ Đồng Nai ta ...

Cặp mắt cận thị hấp háy liên tục, đôi mắt kính trắng dày cộm trệ xuống sống mũi thanh tú, đôi môi nhỏ, viền rõ nét như môi con gái của anh múa nhanh như đôi cánh bướm mãi mãi tìm không được nơi đậu vừa ý.

Vuốt vuốt trần trọng bla hai cuốn sách của tôi, anh dặn dò :

— Nhớ giữ gìn khi mang theo xuống tàu tập kết. Quý lắm. Rất quý. Về Sài Gòn, mình sẽ tìm mua vài cuốn “Giọt mưa thu” của cậu làm kỷ niệm, đồng thời làm công tác trí vận. Nếu gặp gia đình cậu và Tiến, mình sẽ tặng, báo tin tức hai cậu. — Quay sang Tiến anh hỏi đốp :

— Gia đình Tiến vẫn ở tại xã Bình Hòa hả ?
Mấy năm sau này có tản cư nơi nào mới không ?
Không hả. Vậy là được. Còn gia đình của Bốn, e khó tìm. Trước khi xuống đây, mình có ra Tân Hòa Tân Tịch chiến khu Đ cùng các anh Hoàng Tam Kỳ, anh Tám Nghệ, anh Trịnh Đình Hoa Chủ tịch huyện Đồng Nai mới thành lập. Mình có gặp anh Ba, chị Sáu của Bốn vẫn ở gần ấp Vườn Vũ sát bờ sông Đồng Nai. Nhưng sau trận bão lụt kinh khủng năm 1952, tiêu điều. Ruộng bẽ hóa dầu ...

Tôi dặn anh :

— Nếu tìm được gia đình thằng Tiến, anh sẽ hỏi tin tức má tôi, chị Sáu tôi ...

Tiến nói thêm :

— Chị Sáu của thằng Bồn rất quý tôi.

Hoàng Thơ ngơ ngác: Tôi giải thích :

— Mấy năm ở giáo dục Tân Uyên, Biên Hòa, vì đói quá, tôi và Tiến thường rủ nhau ra bờ sông Đồng Nai tìm thăm gia đình chị Sáu tôi. Kiếm cơm, xin áo quần, thuốc men ... Nhiều lần, tôi với thằng Tiến phải giữ đôi bò của anh Bảy tôi. Trời, hai con bò quý, nhạy hòng có tiếng, lại quậy phá tui tôi đủ cách. Tôi thì mê bóng chuyền. Đang đập bóng ầm ầm, thằng Tiến quý này kêu réo "Đôi bò xuống bờ sông ăn trộm cỏ ở nhà người ta rồi". Bên kia bờ sông Đồng Nai lại đang có Tây đi ruồng. Tôi đành liều mạng cùng Tiến bò xuống bờ sông, trườn dần đến gần hai con bò đang gặm cỏ non, phóng roi có gắn đinh nhọn vào đuôi bò. Thế là chúng chạy té lên bờ, rống ầm 1. Bên kia sông, bọn Tây bắn sang hàng loạt súng máy FM đầu bạc . Nó lại kêu bọn Tây dưới tiểu khu Tân Uyên bắn mọc—chê lên tới tận trời đất.

Anh Hoàng Thơ cười ngả nghiêng, suýt té xuống sông.

Trời, anh lại lau nước mắt ! Cũng là cái cười, nhưng cái cười này khang khác, lạ lắm thế nào ấy. Cái cười của giờ phút sắp chia tay, kẻ ra Bắc, người trở lại Sài Gòn, tạm sống dưới cái chế độ mà mình

đã phải gỏi đất, nằm sương, hy sinh trăm thứ suốt chín năm trường để tiêu diệt nó. Cái mảnh đất bên bờ sông Đồng Nai chiến khu Đ tôi vừa kể chuyện chân bò, đối với anh và hai đứa chúng tôi, thân thiết xiết bao. Từng viên đá, từng cây dâu, cây sao cổ thụ, cái cầu xi—măng ở ấp Vườn Vú bên bờ sông, cái nhà cỏ tươi hai con bò của anh Bảy tôi gặm trộm cỏ ... đối với anh và hai chúng tôi giờ là quê hương, là chốn ... Đ

Mau đây, anh không được trở lại đây. Hai chúng tôi cũng không được trở lại đây ... đó những đêm trăng, những ngày mưa đêm tháng bảy, một balô trên vai, một khẩu súng trong tay, thênh thang dưới bầu trời tự do, bên dòng sông ruột thịt, gặp ai cũng gọi to là đồng chí, là mày tao, chỉ tớ ... Hột muối cắn làm đôi.

Tự do, đối với anh những ngày sắp tới, giữa đô thành Sài Gòn, Biên Hòa, biết tìm ở đâu ? Có gặp lại ai từng sống ở rừng chín năm qua, hai tiếng đồng chí dù có dang tận đầu lưỡi, có sức mạnh bật ra như thuốc súng, cũng phải cắn răng đến trào nước mắt nuốt ếm nó xuống tận đáy tim. Tự do ! Đến giây phút này, mới cảm nhận hết ý nghĩa thiêng liêng, mới cảm nhận được rõ ràng ý nghĩa cuộc sống chín năm nằm rừng vừa qua trong hai tiếng ấy.

Dòng sông dưới sàn nhà lơ dờ. Thò chân xuống

khỏa mạnh một cái, nước lợ bắn lên tận mặt, mặn đắng đầu lưỡi. Rừng được khăng khiu, già cỗi chung quanh im lặng. Chỉ thấy toàn những cụm rễ già vắt xâu vào nhau, cứng rắn, lăm lè giữa mặt nước mênh mông.

Rừng được. Rừng nước mặn. Mang tiếng ở rừng, nhưng quanh năm ít thấy được mặt đất như ở chiến khu Đ. Nhà trên mặt nước. Cầu trên mặt nước. Cuộc sống trên mặt nước. Xuống khỏi nhà sàn phải đi ghe. Quanh năm, sóng vỗ rì rầm, bành bồng, chơi vơi ...

Không chia tay thì không được. Nhưng chia tay anh lúc này, tôi cảm thấy mình thế nào ấy ... Nào ai biết ngày mai, cuộc đời của anh ngoài đô thành kia sẽ ra sao ?

Hiểu tâm trạng hai chúng tôi, anh lại tháo dỡ mấy bao cà ròn căng phồng, trao tay chúng tôi ít cơm mắm, bánh qui khô, vài cuốn sách anh rất quý gởi mua ngoài Cà Mau, Bạc Liêu, bảo nhỏ :

— Có hẹn thì phải đi đi cho kịp hẹn, kịp giờ xuống tàu. Bị chậm trong lúc này, rắc rối lắm. Đi cũng dở mà ở lại cũng dở. Ở đây, mấy tuần nay, nhiều ông bà cũng bị cái cảnh ấy làm khổ trăm thứ rồi. Đây, có mấy cuốn truyện của anh Lý Văn Sâm mua ngoài thành, cuốn triết học của Politzer, cuốn De la Pratique “Thực tiễn luận” song ngữ, hai ông

mang theo xuống tàu dọc chơi. Chà, đi ra Bắc bằng tàu của Liên Xô, lệnh đèn trời biển, phải hàng tháng trời dọc biển Đông ? Gặp ai quen ở chiến khu Đ nhớ cho mình gửi lời thăm ...

Hai chúng tôi bước xuống thuyền. Anh đứng trên sàn nhà bằng cây được ghép lại, nâng gong kính cận, mỉm cười. Sáu bàn tay hươ hươ phía trước, chơi với giữa rừng được, chơi với trời, nước, nơi tận cùng Tổ quốc ...

Dọc đường chèo thuyền trở lại cơ quan Phòng chính trị Phân liên khu miền Tây, chúng tôi gặp cơ man ghe thuyền từ ngoài chợ Cà Mau, Bạc Liêu vào tìm người thân, móc nối, liên lạc, hẹn hò cho công tác và cuộc sống ngày mai, khi bàn giao xứ này lại cho chúng quản lý trong hai năm.

Tôi và Tiến được phân công làm công tác đưa tiễn tại bến tàu tập kết tại Chác Bàng, một địa danh thuộc chiến khu U Minh.

Phải gấp rút khăn gói đến nơi trong đêm. Những ngày này, không khí giữ bí mật bao trùm. Bí mật người đi, người ở lại. Ở lại thì ở vùng nào, trong giai đoạn nào. Giai đoạn sau thì ở đâu.

Người đi tập kết, thì đi chuyến nào, tàu nước nào, ở cửa sông nào. Cùng đi với cơ quan nào, bộ phận nào ? Tất cả, hoàn toàn bí mật. Hội ý liên tục. Nay đi, mai ở. Nay vùng này, mai vùng khác.

Hai chúng tôi không dám lang thang, nhênh nhang từ biệt ai

Quen thân đây, nhưng gặp nhau trên đường đi, chỉ lẳng lẳng đưa hai ngón tay lên phía trước vẫy vẫy. : Hai năm.

Các anh Ban giám hiệu trường tiểu học bình sĩ nơi tôi và Tiến công tác ba năm trời, bỗng biến đâu mất. Gian nhà lá dừa nước trống trơn. Dòng kênh số 9 nước càng đỏ sẫm màu lá trà, cỏ mọc từ thượng nguồn đổ ra ào ào. Nghe nói, anh Lê Minh Tâm đã bí mật ra thành, Cần Thơ hay Sài Gòn gì đấy. Gian nhà lá của anh giữa rẫy khoai mì của chú Lập trống hoác. Các chú nhóc : Diệp Minh Tuyên, Lâm Kỳ Đạt, Tâm con thường ngày nhí nhố, loay hoay in tài liệu, đánh máy tài liệu, vô rừng hái rau choai, bí đỏ ... cũng biến mất lúc nào không biết. Tôi định tặng Diệp Minh Tuyên một quyển tiểu thuyết "Vô Đất", nhớ công chú đánh máy giúp bản thảo, đành đứng bên rẫy khoai nhìn cái sập đêm đêm các chú đùa giỡn, nằm khoanh con tôm.

Gia đình anh Diệp Minh Châu, anh Lê Vinh, anh Hoài và vài họa sĩ khác ngoài đầu kênh cũng trống trơn. Không biết các anh ấy đi tập kết hay được lệnh lặn ra thành ?

Dọc bên kênh số 9, gia đình các bà má, ngẩn ngơ nhìn rừng trà, dòng kênh lạnh lẽo, mùt mắt,

lo cát giấu, xóa những dấu vết những ngày dài nuôi nắng "Việt cộng", mặt không lúc nào khô nước mắt. Nhìn đâu cũng thấy "chúng nó". Con kênh này do anh em chúng nó nạo vét. Cái rẫy này do anh em chúng nó trồng, chăm bón. Cái chái nhà này do bàn tay chúng nó lợp lại. Bài hát này do chúng nó dạy. Trẻ con ngơ ngác, lăm lăm kiểm tìm quanh bờ kênh ...

Các cô gái tuổi đang thì, càng buồn bã hơn. Dọc đường đến nhận nhiệm vụ mới, hầu như tôi không gặp một nụ cười trên mặt các cô gái. Không thấy một bộ quần áo mới nhận nhiệm vụ mới. Không thấy hình ảnh các cô vén tóc làm duyên bên dòng kênh.

Thỉnh thoảng, cũng có vài cô dám ra đứng bên bờ kênh khi chiều xuống, ngó mộng trời nước U Minh, liền bị các bà mẹ la toáng lên :

— Vô nhà ngay. Tao biểu vô nhà. Không nghe ở kênh thứ Ba, cái quân giết người mới kéo đến tiếp thu, đã hăm hiếp con gái sao ? Trời ơi, vô nhà ngay giùm má chút con ơi

Cô gái còn cố đứng im bên chiếc cầu khi vất vèo qua dòng kênh, lén mẹ đưa cao hai ngón tay lên ngang trán tạm biệt một hình bóng mờ mờ trong đoàn quân in dài trên ven kênh bên kia lò rẫy bí đỏ ...

Âm thầm băng qua hai lô rầy kênh 8, kênh 7, tôi và Tiến tạt ngang ngôi nhà bà má của Bùi Đức Ái nằm sát dòng nước đỏ.

Trước thềm nhà, chiếc cầu chồm xuống dòng kênh lặng lẽ.

Nhìn vào nhà, không thấy bóng ai. Mấy cây măng cầu xiêm phía sau nhà vẫn lúc lỉu quả, gai góc. Quanh đấy, có nhiều tiếng người già đuổi gà, xua chó. Dưới kênh, một vài chiếc thuyền vôi vã chèo ra vàm sông Trẹm.

Tôi định ghé tìm Bùi Đức Ái khoe hai cuốn tiểu thuyết của tôi trước lúc chia tay. Trong giải thưởng Cửu Long năm rồi, Bùi Đức Ái cũng được tặng thưởng tập truyện ngắn "Chuyến lưới máu". Bùi Đức Ái, Nguyễn Quang Sáng nhỏ hơn tôi vài tuổi gì đó. Ái lại đang tham gia công tác tại văn phòng Hội Văn nghệ Nam Bộ, chắc có điều kiện gần gũi văn chương hơn tôi. Chắc Ái thuộc diện được đi tập kết. Thôi, hẹn gặp nhau ngoài đất Bắc vậy.

Tiếc là không gặp được các anh Minh Lộc, anh Phạm Anh Tài, anh Việt Ánh, anh Nguyễn Hải Trùng, Phạm Tuấn.... Các anh đó cũng nhận được giải thưởng cùng kỳ với tôi.

Hôm đến Rau Dừa nhận giải thưởng tiểu thuyết Vô Đất, tôi có được gặp anh Lưu Quý Kỳ, Hội trưởng

Hội Văn nghệ Nam Bộ, anh Hà Máu Nhai, Phạm Hữu Tùng, Huỳnh Văn Gấm, Phạm Tuấn trong bộ phận Thường trực Hội Văn nghệ Nam Bộ.

Có lẽ trong số tác giả đến nhận giải thưởng lần đó, tôi thuộc lớp nhỏ tuổi, trên Bùi Đức Ái một tí. Còn các anh Việt Ánh, tác giả tập thơ “Anh Ba Thắng”, anh Phạm Anh Tài, tác giả các truyện dài “Tây đầu đỏ”, “Bên rừng cù lao Dung”, anh Nguyễn Hải Trừng, tác giả tập thơ “Chú Hai Neo” ... đều lớn tuổi hơn tôi, quen thuộc nhiều với các anh ở Hội Văn nghệ Nam Bộ.

Tôi cảm thấy xa lạ, lạc lõng trong các cây bút chuyện trò rôm rả, quen thân nhiều người. Anh Phạm Tuấn, tác giả truyện ngắn “Bức tâm thư” vui tính, hề hà, xắn tay áo lo nhổ lông vịt làm tiết canh phía sau nhà, thỉnh thoảng mới lộ ra tham dự giải thưởng một tí gọi là.

Anh Phạm Anh Tài, (sau này là nhà văn Sơn Nam) mặc bộ bà ba mốc cời, đóng phèn vàng khè, tự cù cửa chèo ghe đến nhận giải thưởng “Thằng Tây đầu đỏ” và “Bên rừng cù lao Dung”. Mắt nheo nheo, mặt gày, má nhọn, tóc xĩa trước trán, quần choàng chiếc khăn rằn sọc đỏ, vàng kiểu người Khme Nam Bộ, bước đi tà tà, hai bàn chân hơi phang ngang phang ngựa, lúc nói chuyện, mặt hơi cúi xuống, nhưng hai mắt lại chiếu thẳng. Có thể do năm tháng

sống miền U Minh, miền biển, phải che gió, che cát, và các loại bù mắc, mòng trâu. Anh nói chuyện rất có duyên, như văn phong của anh vậy.

Anh Việt Ánh, tác giả tập thơ "Anh Ba Thắng" da mặt sần sùi, cái cười rất lạnh, cũng quần chiếc khăn rằn quanh cổ. Anh có góp ý cách dùng từ trong tập "Vỡ đất" của tôi.

Anh Hà Mậu Nhai khỏe, đẹp trai, mũi thẳng, mắt rất sáng, môi sắc nét, ngâm tụng cuộc liên hoan vài bài thơ do anh sáng tác. Anh được Hội Văn nghệ Nam Bộ phân công giúp đỡ tay nghề cho tôi.

Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Trí, tác giả bài hát "Tiểu đoàn 307" nổi tiếng lại càng ít nói, trán cao, hình như theo đạo Công giáo, mặt hơi dài, mặc quần áo bà ba đen, ngồi cạnh tôi. Tôi nhìn anh, không thể hiểu được do đâu anh làm được bài hát "Tiểu đoàn 307".

Anh Lưu Quý Kỳ ngồi bên trên, cạnh anh Phạm Hữu Tùng, Hoàng Tuyên, Văn Luyện, Hoàng Thế Thiện, Chủ nhiệm Phòng chính trị Phân liên khu miền Tây Nam Bộ.

Nhận xét các tác phẩm được giải thưởng, thỉnh thoảng anh Lưu Quý Kỳ hít mạnh, miệng hơi méo, giật giật, mắt nheo nheo. Có lẽ do cổ tật bẩm sinh chẳng Tóc húi cua, quần áo bà ba đen giản dị, dễ mến, dễ gần.

Có thể đây là bộ mặt tập hợp được trong hoàn cảnh kháng chiến, chiến trường chia cắt ... của văn nghệ Nam Bộ chăng ? Còn lực lượng văn nghệ ngoài thành, ở các đô thị lớn, như các anh Lý Văn Sâm, bác Hồ Biểu Chánh, hoặc các anh chị không tham dự giải thưởng trong đợt này ở các chiến khu như : Nguyễn Ngọc Tấn, Xuân Miên, Nguyễn Ngọc Thới, Hoàng Việt, Bình Nguyên Lộc, Huỳnh Văn Nghệ, Bảo Định Giang, Nguyễn Bính, Ngô Y Linh, Phạm Ngọc Truyền, Quốc Hương, Vũ Anh Khanh, Trần Bạch Đằng ...

Mỗi người một mảnh rừng, một góc phố âm thầm ngoài đô thị.

Giờ này, các anh đang ở đâu, làm gì ? Có bận rộn chuẩn bị tập kết, hay chuyển vùng hoạt động, chuẩn bị một tờ báo nào đó để đấu tranh thực hiện Hiệp định Giơnevơ không ?

Quá giang một chiếc ghe tam bản chèo ngang nhà Bùi Đức Ái, tôi và Tiến ra vàm sông Trẹm để đến bến Chắc Băng theo sự phân công của cấp trên.

Sông Chắc Băng mênh mông, tấp nập tàu, thuyền xuôi ngược. Tàu, thuyền nào cũng treo cờ hòa bình có vẽ con chim hòa bình của danh họa Picassô bay lượn trong gió.

Gặp tàu nào chở nhiều người đoán là từ thị xã Cà Mau hay Bạc Liêu vào, Tiến cũng giục tôi

cặp ghe vào hỏi thăm tin tức chị Sáu tôi và chị của Tiến. Tàu nào cũng đầy nghẹt các cô gái, bà má, trẻ con ăn mặc diêm dúa.

Chúng tôi hỏi họ vài câu, họ hỏi lại chúng tôi hàng chục tên người thân, chừa cho chúng tôi đọc hàng chục địa chỉ người thân họ cần tìm.

Thở dài. Chia tay.

Cô gái cho đi nhờ cũng thở dài, lui cui xếp lại bánh trái, quần áo đựng trong mấy chiếc bao cà—ròn. Để mặc tôi chèo chống ngược xuôi, mau, chậm mặc lòng.

Đoán biết cô gái cũng đang đi tìm tin tức người thân, tôi không dám hỏi thăm.

Khơi dậy chuyện ấy lúc này, thật khó ăn khó nói. Khuyên nhủ thế nào cho phải. Lên giọng động viên “Chỉ hai năm thôi”, hoặc “Đi, ở cũng vinh quang” như các khẩu hiệu giảng khắp nơi ư, mình còn không tin nữa là.

Cô gái lấy mấy đòn bánh tét, xâu bánh ú gói lá dừa nước khéo tay ra mời chúng tôi. Tiến nhìn tôi. Không ăn cũng không được. Mà ăn thì lòng dạ nào nuốt cho trôi ? Cô đã gói ghém biết bao nhớ thương, đợi chờ trong các đòn bánh ấy ?

Rồi không sao nín lặng được, cô lân la hỏi :

— Hai anh ở đơn vị nào ? Bao giờ thì ra đi ?

Tiến không đáp, mà hỏi lại :

— Xin lỗi há, người cô cần tìm ở đâu, làm gì, may ra chúng tôi có biết được ...

Cô gái lau nước mắt ngó nhìn đoàn tàu bè chở đầy người chạy về hướng Chắc Băng, đáp lí nhí :

— Anh ấy ở bộ đội tình nguyện tận bên Miên, bộ đội Issarác.

Hai chúng tôi thờ dài. Tôi thần thờ một lúc, chợt nhớ ra, nói cầu may :

— Máy hôm trước, tôi có gặp vài đoàn bộ đội tình nguyện ở Miên kéo về, bằng tất rẫy, rừng dọc các kênh 8, kênh 9 ở Biển Bạch, đổ về bến tập kết Chắc Băng ...

Đôi mắt mờ lệ của cô sáng lung linh, khiến lòng dạ tôi nao nao. Đúng là chim trời cá nước, biết đâu mà tìm ?

— Bây giờ, chỉ còn cách này, cô chịu khó đến bến tập kết Chắc Băng, đón chờ anh ấy. May ra ... Theo tôi được biết, các lực lượng chiến đấu ở Miên của ông Thanh Sơn, Sơn Ngọc Minh ... thì bến tập kết chủ yếu là Chắc Băng ...

— Còn bến nào nữa không anh ? — Cô ngược đôi mắt đỏ hoe nhìn tôi.

— Còn một địa điểm nữa, ở Cao Lãnh, chủ yếu là dành cho bộ đội, cán bộ khu Tám, Đồng Tháp

Mười ...

— Trời ... — Cô buông một tiếng thở dài náo nuột, cầm gàu tát nước ra ngoài. — Nếu gặp được anh ấy, hai anh làm ơn nhắn giùm ... — Cô ngừng lời.

Biết “anh ấy” là ai ? Cô ở đâu mà nhắn ?

Chiều hôm đó, cô đành quay ghe trở lại. Tôi cũng đành nói một câu đúng là dài bởi lẽ ra không nên nói :

— Thôi, cô cứ yên tâm trở về. Nếu có gặp anh ấy, tôi sẽ nhắn có cô đi tìm ...

— Dạ, cảm ơn hai anh lắm. Hai năm. Hai mùa lúa chín. Hai mùa nước mặn tràn đồng ... — Cô thần thờ trao tay hai chúng tôi một xâu bánh tét, bánh ú gói lá dứa nước rất khéo tay, hai hũ mắm cá sặc thơm phức, một chùm ớt chín đỏ.

Trời, tấm lòng người vợ của người lính tình nguyện tận Miền xa xôi. Tôi bỗng nhớ câu hát của anh em chiến sĩ tình nguyện ở Miền, Lào : “Hôm nay anh đi Issarác để chém Chăn. Cho sóc của mình được yên vui, mẹ cha vui lòng ...”. Không biết bài hát này do nhạc sĩ nào sáng tác ? Người nhạc sĩ ấy còn hay đã hy sinh ? Làm sao anh có thể biết được tấm lòng của những người vợ trẻ đi tìm chồng giữa mênh mông trời nước như thế này ?

Buồn quá, hai chúng tôi nằm lẫn ra sau lái

con thuyền của ai đó thả trôi trên kênh, ngủ vùi.

Không biết bao lâu, mấy giờ, bỗng có người đập mạnh vào vai tôi, giọng ồm ồm, rộn ràng :

— Dậy. Dậy. Tới xứ Bắc rồi, dậy.

— Anh U Đa. — Tôi kêu lớn, mừng rỡ, nắm tay anh U Đa.

Anh rầy tay, đập nhẹ lên đầu tôi mấy cái, nghiêng rằng :

— U mẹ ... Người chạy đòn chạy đáo; hai thằng tụi mày ung dung nằm phơi bụng hứng gió hòa bình, gió Gionève.

— Anh chèo ghe đi đâu, có vẻ hấp tấp vậy ?
Ừa, bận cái áo gi kỳ cục quá vậy nè trời !

Anh cười ha hả, đưa tay cào cào mái tóc húi cua, khuôn mặt Tây lai của anh rạng rỡ :

— Áo bốn túi dành cho cán bộ từ đại đội trở lên từ ngoài Bắc cho máy bay gởi vô đó, cưng. Ngon lành không ? Mai mốt, ra ngoài đó các em cũng mỗi thằng một cái “bốn túi” như vậy. Túi nhét tiền lương hàng tháng. Túi nhét tài liệu học tập chánh trị. Túi bỏ bản thảo tiểu thuyết, kịch bản cải lương của nghệ sĩ U Đa, chủ gánh hát Tô Huệ nổi tiếng của Nam Kỳ. Nè, tau với thằng Hà Mậu Nhai được xung vô đoàn “Phổ biến, tuyên truyền cho Hiệp định hòa bình Gionève. — Anh cất tiếng cười đến chảy

nước mắt rút túi áo trên trao tôi quyển sách nhỏ xiu, in chữ chì — Cúi đi em cưng. Hiệp định vậy đó. U mẹ, hôm trước, tao với thằng Hà Mậu Nhai bị mấy bà má chửi cho một trận toi bởi : Hai năm. Ai bảo đâm hai năm tụi bay trở về ? Thằng Tây, hay thằng Việt gian phản quốc bảo đảm ?

Anh ngồi xếp xuống lá ghe, thở dài, lại rút túi áo ngực trao tôi xấp giấy nhỏ, cứng, trang trọng :

— Nè, đọc đi ! Hay lắm. Thơ của ông Tố Hữu ngoài Bắc đó. Ngon lành không cưng ? Ta đi tới. — Và anh kéo dài giọng Tây lai ồm ồm, cục xương cổ chạy lên chạy xuống : “Ta đi tới giữa ban ngày. Trên đường cái ung dung ta bước. Đường ta rộng thênh thang tám thước. Đường Bắc Sơn, Đinh cả, Thái Nguyên ...”. Mai mốt ra ngoài đó, tiểu thuyết Bông hường bông cúc của cưng cũng được in ngon lành vậy đó. Ê, ra đó, nhớ tìm tau nhen. Cứ tìm các đoàn hát cải lương, kịch Nam Kỳ là có cái mặt tau ... Phen này, nghệ sĩ Văn Đua — U Đa chủ gánh hát Tô Huệ ra Bắc, mang chương đi đánh xứ mình ...

Thật ra thì không biết anh đang vui hay đang buồn nữa. Bà mẹ già ở Trà Vinh, ông bố Tây đảo Coóc chính cống ở bên Tây, cô em gái anh em cùng cha khác mẹ với anh ở bên Tây ... như thế nào ? Anh làm sao hoàn toàn thanh thản như giọng cười,

điệu bộ của anh ?

Nhớ lần diễn kịch “Bó rơm” giữa rừng U Minh, anh đóng vai Tây, chị Nhị Hà đóng vai cô gái Việt bị đạn lăn ra chết, anh ngồi cạnh xem xét cô gái chết kia có phải Việt Minh chính hiệu không ? Anh cứ đưa ngón tay khều khều chỗ quần rách của chị Nhị Hà đóng vai cô gái đã chết, chị Nhị Hà không sao lăn ra xa anh được, đành cứng người chịu trận. Đến khi màn vừa hạ trong tiếng vỗ tay rần rần, chị Nhị Hà vùng dậy xỉ mặt anh, chửi um lên khiến khán giả cười ầm ầm : “Nè, U Đa, tui thề có tổ làm chứng, tui chết, tui cũng không thêm đóng kịch chung với anh nữa”.

Anh giật mình, xem đồng hồ tay, lật đật quăng qua ghe tôi nhiều bánh tét, hộp guygô đựng đường, sữa, bánh ú, mắm cá lóc, vẫn cái giọng ò ò, cục xương cổ chạy lên xuống như cò súng :

— Nè ăn đi. Ăn cho no rồi đi tập kết ngon lành. Nhớ tìm tau khi ra tới xứ Bắc ... Ê, tiểu thuyết Bông hường bông cúc của mày bị cha nội Huỳnh Văn Gấm, Lưu Quý Kỳ tháo dỡ tanh bành giao cho cha Đoàn Giỏi mang ra đất Bắc. Nhớ ghen cưng. Jodép Édouard, tức A—Đua, nói ngược lại, Édouard thành A Đua cho nó Việt Nam anh hùng chút chơi. Chủ gánh hát Tô Huệ, từng lưu diễn tận NomPênh cho vua chúa coi, trên đường về Sài Gòn, bị máy

bay hai thân Đồng Minh oánh bom chìm tàu, hà hà ...

Chiếc ghe tam bản của anh quá nhỏ so với tấm thân khổng lồ, hai cánh tay vươn bạm trợn của anh. Anh đã hòa vào dòng ghe cộ chen lấn, mà tiếng cười rộn rã của anh vẫn còn bay lướt trên sông quanh chúng tôi.

Lại một chiếc tàu đồ sơn phết lòe loẹt chạy cùng chiều với chúng tôi. Trên mũi tàu, người ngồi đông nghẹt, tóc và quần áo các cô gái bay quất theo gió. Con tàu kéo theo phía sau ba bốn chiếc ghe tam bản, xường ba lá, cũng đầy người, hàng hóa.

— Cặp lại. Cặp lại coi. Có ai giống chị Sáu quá ... — Tiến kêu la rối rít.

Tôi rà chèo, bẻ mũi ghe đâm vào hông chiếc tàu đồ. Hai đứa leo lên be tau, dòm ngó, kêu réo một hồi. Chẳng thấy chị Sáu tôi và người thân của Tiến đâu.

Chiếc ghe đã bị sóng đánh dạt ra xa. Hai đứa đành nhảy xuống sông bơi theo chiếc ghe.

— Chán quá. Người ta khắp nơi kéo tới đây rần rần ...

Tiến vắt vạt áo bà ba, cầu nhàu. Tôi đành trấn an :

— Chắc người của mày gửi thơ làm sao đó.

Hoặc không về được tới nơi. Hoặc không tìm được chị Sáu tao, không tìm được người quen của mày.

— Còn thầy giáo Vang ? Đến nay, chắc thầy cũng về tới trên đó rồi còn gì ?

— Ủ, nếu trót lọt, thuận buồm xuôi gió.

— Hòa bình rồi. Gì mà không thuận buồm xuôi gió ? Không gặp được chuyến này, biết chừng nào mới gặp lại ... Ra Bắc, xa xôi lắm, chân trời góc biển, mày ơi ...

Hai chúng tôi nhìn những chiếc tàu chở đầy khách, kéo còi rền dòng sông Chác Băng, ngậm ngùi cho thân phận mình. Đã xa miền Đông chiến khu Đ ba năm rồi. Không một lá thư. Không một tin tức gia đình. Hy vọng các nguồn tin của anh Hoàng Thọ, thầy giáo Vang, gia đình anh Hoàng Minh Viễn ... hết sức mênh mông ...

Một chiếc tàu cây trần trụi chạy trở tới, có dựng thêm mấy tàu dừa hứng gió phụ với máy móc. Mấy người trên tàu đàn, hát coi vui vẻ quá.

Có tiếng kêu vọng sang, í ới :

— Đi đâu đó, hai ông nội ?

Thì ra, các anh Minh Trị nhạc sĩ, diễn viên kịch nói, nhạc sĩ Văn Lưu mang kính trắng, họa sĩ Trần Kim, Lê Minh Tiên và một cô gái đoán là vợ anh Minh Trị.

Minh Trị đưa tay ngoắt ngoắt hai chúng tôi, chỉ chỗ về hướng bến tàu tập kết Chắc Bằng, ra ý bảo sẽ gặp nhau tại đó.

Tôi cảm thấy vui vui. Dù sao, gặp được một người quen sẽ cùng mình ra đi, nghe lòng dạ ấm áp hơn, bớt cô đơn hơn.

Chương ba

Suốt một tháng trời, ngày, đêm, hàng nghìn nghìn người từ Miên, các tỉnh thuộc miền Tây Nam Bộ kìn kìn đổ về bến tàu tập kết Chắc Bàng.

Một cánh rừng tràm, sậy, đẽ, hoang vu, bạt ngàn được phát quang, dựng lều dã chiến bằng lá dừa nước, lán ngủ bện bằng cây sậy, đẽ.

Người đi, người đưa tiễn, đông nghịt. Hình như chỗ nào cũng có nước mắt và biết bao lời biệt ly.

Các phái đoàn quân sự liên hợp bốn bên luôn có mặt lúc một chuyến tàu nhỏ neo.

Người Gia Nã Đại (Canada) cao lớn, da trắng, quân phục kaki angles, mắt xanh, kiểm tra từng đoàn người xuống tàu, phỏng vấn, cố sức khuyên lơn những người đưa tiễn trở lên bờ.

Người Ấn Độ da đen, nâu, râu bó hàm, quân

hàm, cấp bậc nhà binh trên cầu vai, làm việc với các vị chỉ huy quân Việt Minh.

Các sĩ quan trong quân đội Liên hiệp Pháp có vẻ trầm tư, không ngổ ngáo như vài tháng trước đây. Họ giáp mặt với nhiều đơn vị, nhiều chiến sĩ và vị chỉ huy quân Việt Minh họ từng biết rành, từng chạm súng rất nhiều lần ở nhiều chiến trường Đồng Tháp, U Minh, chiến trường Campuchia, biên giới Việt — Miên.

Gặp nhau, chúng tôi chỉ đưa tay lên ngang trán chào cho phải lễ theo công ước quốc tế. Nhưng, thỉnh thoảng, tôi vẫn bắt gặp nhiều ánh mắt hằn thù của họ. Cũng có nhiều người luôn tươi cười, gạt ra khỏi đầu óc chuyện thắng hay bại.

Nhiều sĩ quan trẻ người Pháp nhìn cảnh đây nước mắt giữa người đi và người ở tại bến sông, lẳng lặng đưa hai bàn tay xòe, cười mỉa, khi bèn chúng ta đưa hai ngón tay hện “Hai năm”.

Hai bàn tay xòe của chúng ngụ ý “Hai chục năm”, chỉ ít “Cũng mười năm”.

Trên phố biển chúng tôi cố thuyết phục các bà mẹ, các chị vợ bớt khóc khi chia tay người thân tại bến tàu. Ngoài ra, phải bảo đảm bí mật tối đa cho số người mẹ, người vợ, người yêu vì họ phải ở lại, tạm sống và hoạt động trong hai năm nữa. Tin tình báo chiến thuật và chiến lược ta cho hay,

có rất nhiều lực lượng thám báo, tình báo của Pháp, Việt gian, các giáo phái được gài trong đám người đưa tiễn, trong các lực lượng phục vụ tại bến tàu ...

Chuyện này, thật ngoài sức của đơn vị phục vụ tại bến tàu tập kết. Chiến tranh, bao giờ cũng thế. Chiến tranh sẽ còn kéo dài nhiều năm sau, lại càng phải thế.

Thực tâm, chúng tôi chỉ khuyên can lấy lẽ người đưa tiễn. Chúng tôi cố sức tạo điều kiện cho người ra đi và người đưa tiễn gặp nhau thật nhiều vào ban đêm, trong các lán trại dã chiến quanh khu tập kết.

Đêm xuống, các lán trại dã chiến ọp ẹp giáp bla rẫy hoang mênh mông sậy, đế, tiếng ếch, nhái kêu rả rích hòa lẫn trong tiếng khóc, tiếng xỉ mũi, tiếng các bà mẹ già nấc nghẹn bên vai thằng con trai độc nhất phải ra đi. Bao nhiêu tiền bạc, bánh trái, vải vóc, mẹ mang đến hết cho con. Mẹ dặn con trăm thứ trên đời. Nào ra Bắc, phải gửi thư về báo tin cho em ngay. Phải thưa với cụ Hồ rằng không thể tin cái quân Tây dương quỷ sứ, cái quân Việt gian phản quốc được đâu. Phải tính trước đi. Rằng ngoài xứ Bắc nghe nói lạnh lẽo lắm, ruộng nương khó làm, phải ăn uống tằn tiện, ráng luyện tập cho giỏi, chờ ngày về.

Ngồi viết hàng chục khẩu hiệu cho bến tàu

ngày mai, tôi nghe hết các lời dặn dò ấy. Thỉnh thoảng, đêm khuya canh vắng, các sạp đã ngủ mòn, tôi vẫn một mình với ngọn đèn măng sông, hàng chục thước vải trắng được căng sẵn trước mặt. Tôi viết hết khẩu hiệu này đến khẩu hiệu khác. Vẫn là những khẩu hiệu ấy thôi. Vẫn những kiểu chữ "tù" của tôi thôi. Vải trắng, sơn xanh, đỏ, đen, vàng ... Chẳng cần viết bút chì trước. Tôi quen công việc đến vừa ngủ vừa viết, mà đầu vẫn vào đấy. "Đi vinh quang, ở cũng vinh quang". "Chào mừng Ủy ban giám sát và Kiểm sát quốc tế". "Hoan hô Hiệp định đình chiến Giơneo 1954."

Nhiều sĩ quan Pháp có tuổi lần la đến xem tôi viết khẩu hiệu, bắt chuyện bằng tiếng Pháp. Một môi và không vui, đôi lúc tôi cũng bắt chuyện chúng bằng tiếng Pháp. Chúng hỏi tôi làm nghề, ngành nào trong kháng chiến. Làm báo, hay viết sách tuyên truyền. Nhớ lời cấp trên dặn dò về bí mật cho sau này, tôi bảo :

— Làm mướn thôi. Mấy năm trước và gần đây, dạy học. Giờ đây, bến tàu thuê vẽ khẩu hiệu.

Tên sĩ quan Pháp cười, không nói gì.

Chắc chắn là hẳn không tin. Có thể vì bộ dạng của tôi. Có thể vì cách nói của tôi, không có vẻ gì là thầy giáo vùng chúng kiểm soát mấy năm qua. Có thể vì tình báo của chúng đã tìm hiểu về tôi.

Tiến dặn tôi :

— Đừng nói chuyện với chúng.

— Tại sao ? Tôi hỏi lại.— Trau đòi tiếng Pháp, tìm hiểu chúng, cũng rất cần cho mình.

— Rủi ... tự nhiên có lệnh ở lại hoạt động công khai ngoài thành, khó khăn lắm.

Tiến nói cũng có lý. Nhưng, tôi chỉ muốn tìm hiểu chúng để viết tiểu thuyết sau này, để trau đòi tiếng Pháp.

Những ngày này, đau khổ nhất của những người phục vụ bến tàu tập kết như chúng tôi là phải cắn răng mang bộ mặt lạnh như tiền đối với những người khắp nơi kéo về đây để đưa tiễn người thân ra đi, vì để giữ gìn cho họ sau này. Có thể chúng đã bí mật chụp hình họ hàng trăm, hàng nghìn, cũng nên. Nhất là những cô gái tiễn chồng, tiễn anh, em, cha, mẹ ra đi. Những bà mẹ chiến sĩ, cơ sở kháng chiến tiễn các con, các đồng chí chín năm qua đối với họ khác nào ruột thịt. Chín năm qua, chúng tung một đội quân khổng lồ, một số tiền khổng lồ để nắm những tin tức ấy. Chúng biết rõ, từ nay, hàng vài chục năm nữa, từ vĩ tuyến 17 trở vào là thuộc chúng. Việt Minh cộng sản dù có ra đi ờ ạt hàng tháng nay, đâu đã đi hết.

Hôm đưa tiểu đoàn 307 xuống tàu, tôi thấy hánh diện vì vẻ mặt buồn, hận lẫn kính nể của bọn

sĩ quan Pháp, nguy. Chắc chắn là trong nhiều tên có mặt hôm nay đã nhiều lần chạm mặt tiểu đoàn 307 từ chiến trường Đồng Tháp Mười thuộc khu Tám đến các vùng U Minh, Cà Mau, Rạch Giá.

Trong lúc tiểu đoàn 307 rùng rùng xuống tàu, tôi không thấy những tên sĩ quan trẻ cười mỉa hoặc đưa cả hai bàn tay xòe nhạo lại "hai ngón tay" của các cô gái, các bà mẹ như mấy hôm trước.

Tôi đưa mắt tìm trong số cán bộ chỉ huy quen thuộc của tiểu đoàn, xem có anh Hồng Sơn tiểu đoàn trưởng không, dù anh được khiêng bằng băng ca đã chiến. Không. Chỉ thấy có anh Tiên chính trị viên, các anh cán bộ đại đội, trung đội quen thuộc.

Các anh liếc mắt mỉm cười kín đáo chào tạm biệt tôi, hẹn gặp nhau ngoài Bắc, hoặc có anh như xạ thủ đại liên Rua, trung đội trưởng Hận, tiểu đội trưởng Nguyệt hỏi tôi rất nhanh khi bước qua :

— Nhớ trận Xẻo Rô không ông văn sĩ, họa sĩ ? Nhớ cô Muôn, cô Thái không ? Nhớ cái nón nỉ bốn múi trôi trên sông Rạch Giá không ?

Tôi cũng bàng hoàng hỏi lại :

— Anh Hồng Sơn Tiểu đoàn trưởng đâu ?

Nhạc sĩ Ngô Huỳnh nói nhỏ :

— Ra Bắc bằng máy bay rồi. Vẫn nằm liệt. Cột sống lưng ... (Về sau, khi tập kết ra Bắc, tôi

được biết anh Hồng Sơn vẫn bị nằm liệt giường hàng chục năm sau trong bệnh viện 108. Anh đã đấu tranh chịu đựng đau đớn, tự học tiếng Nga, dịch được vài cuốn sách văn học Nga tôi được đọc. Lúc ấy, tôi vừa phục anh, vừa tiếc một điều là hàng chục năm ấy, anh Hồng Sơn không viết hồi ký những ngày cùng tiểu đoàn chủ lực Nam Bộ 307 chiến đấu hết sức anh hùng. Cứ mỗi lần nghe anh Quốc Hương hát bài tiểu đoàn 307, tôi lại bồi hồi, một mình hồi nhớ bao ngày được chiến đấu trong đội ngũ tiểu đoàn anh hùng. Tôi càng luyến tiếc, vì sao hàng chục năm đấu tranh gian khổ ấy, anh Hồng Sơn không viết hồi ký. Tôi cũng biết : Không hẳn ai muốn viết hồi ký đều được cả. Nhưng, hình như người Nam Bộ chính cống có một thuộc tính : Không muốn kể về mình. Ngay gia phả gia tộc, cũng rất ít gia đình nào ghi chép. Ngày cúng giỗ cha, ông, chỉ nhớ trong đầu, rồi truyền lại. Trời đất mệnh mông, vùng hoang vu còn rất nhiều. Một cuộc đời, một dòng họ lại chuyển dịch nhiều lần. Vì không khuất phục kẻ cầm quyền tàn bạo. Vì một mối thù thâm căn cố đế lâu đời nào đó. Vì kỳ huy, phải đổi cả tên lẫn họ nhiều lần. Hoàng thành Huỳnh. Nhân thành Nhơn. Nghĩa thành Ngãi. Phúc thành Phước ... Có giặc ngoại xâm, tự rèn gươm, đúc súng lập thành đội ngũ ra đi đánh giặc. Còn sống, trở về mảnh đất xưa, cày cấy, làm ăn. Đất xưa bị tranh

giành, cướp mất, bồng bế nhau đến vùng đất hoang vu xa xôi không dấu chân người, khai phá làm ăn sinh sống. Bao tâm tư, khát vọng, u buồn, nuốt vào tâm khảm, kể truyền lại con, cháu. Ít biến thành giấy trắng mực đen. Tạo ra một lớp người kể chuyện có tài. Đến khi có nhiều cuộc đời, nhiều lớp người được đi vào trang sách, thành truyện, thơ, tuồng tích, cải lương, vọng cổ ... thì lời lẽ trong sách cũng na ná lời lẽ ngoài đời : bố bà, sỏi sỏi, dân dã, khoai củ, chơi chơi, thiệt thiệt, đùa đùa, tếu tếu như kể chuyện. Kể chuyện cho quên đường dài trên một chuyến xe, trên một chuyến dò dọc sông nước mênh mông, chim muông tao tác, lúa trời bát ngát, cá nhảy lao xao. Kể chuyện cho quên tháng ngày cực nhọc giữa cánh đồng đang cày, bừa, gặt hái ...

... Một hôm, Tiến từ đậu chạy về, thở hào hển, đập mạnh vào vai tôi :

— Đi.Hình như ...

— Cái gì ? Đi đâu ? Tới phiên tụi mình chuẩn bị xuống tàu hả? — Tôi cũng hỏi hớp hỏi tới tấp.

— Có một đoàn từ Biên Hòa xuống ... Toàn con nít ... Nghe nói có nhiều đứa là học trò của mày ở Trường tiểu học kháng chiến Tân Uyên. Biết đâu có thơ từ chị Sáu ...

Tôi quăng cạp, vãi, lon sơn tại chỗ, cùng Tiến men ra rìa rẫy.

Một đoàn con nít thật. Ăn mặc kiêu thành thị, nghĩa là quần soọc, áo sơmi trắng, tóc tai chải hoàng.

Nghe chúng nói những từ như “đũa bíp”, “ngựa ô”, “bò hống” tôi hiểu ngay đúng là dân Biên Hòa miền Đông.

Đứng nép sau bụi tràm già lão, tôi và Tiến căng mắt nhìn, hồi hộp theo từng bước đi của chúng. Tuy là Trưởng ban giáo dục một huyện khác, nhưng Tiến rất quen thuộc đám học trò của huyện tôi.

Hai chúng tôi nhìn nhau, thở dài. Chẳng có đứa nào. Khi đứa gái cuối cùng vừa khuất sau bụi sậy um tùm, Tiến vội nhảy ra chụp một thanh niên đưa đường đám trẻ. Anh ta mang kính mát gài kín mặt, quần soọc trắng, áo sơmi trắng, đi giày da có vớ trắng, túi áo ngực cài bút Parker Mỹ, tay đeo đồng hồ Wyler, mùi nước hoa thoang thoảng.

Anh ta thụt lùi vài bước, và nhảy tới ôm chầm tôi và Tiến

— Hai ông ở đây hả ? Làm gì ? Lập chiến khu mới như Bình Xuyên, Hòa Hảo, Cao đài Tây Ninh hay ...

Tôi vội vàng bịt miệng anh ta, nói nhỏ :

— Nói nhỏ nhỏ, Văn Phong. Mày ...

— Chín Đình. Giờ kêu tao là Chín Đình

Tao được Tỉnh ủy Biên Hòa giao đưa năm trăm em theo đường thành xuống bến tàu này ... Trên đó đã hết thời hạn chuyển quân tập kết tại Hàm Tân Xuyên Mộc ... Trời, chạy đôn chạy đáo như ăn cướp. Khó khăn đủ thứ cũng chẳng kịp thời hạn theo Hiệp định ... Đi, vừa đi theo tụi nó vừa nói chuyện. Rồi hai ông chỉ người chỉ huy ở đây cho tụi bàn giao lũ trẻ ...

— Nè, Chín Đình, có đứa nào

— Có vài đứa học trò cưng của ông ở Trường Tiểu học kháng chiến Tân Uyên. Tới Long An, nhớ cha mẹ quá, bỏ cuộc vài đứa. Nó bảo :“Ở lại tìm chiến khu làm ăn trong giai đoạn tới ...”: Nè, năm trăm em này bị lộ một phần, không thể để lại được. Phần lớn là đưa ra Bắc cho học tập cho miền Nam sau này. Hai ông hiểu chưa ? Vốn quí ...

— Biết rồi. Có tụi thành Năm Bình, Cúc A, Cúc B, Sâm, Đoan ... Mười cao, Hữu, Cát ...

-- Năm Bình em anh Hai Đình, Cát, Đoan, Ngọc, Báu, Hữu, Ngọt, Đình ... được đi theo tiêu chuẩn hần hoi. Tại bến tàu Hàm Tân Xuyên Mộc. Ông khỏi lo ...

Tôi mừng cho chúng nó: Nhưng, giá có chúng nó tại đây vài ngày cùng chúng tôi ... Tôi ngẩn ngơ, thăm ao ước vậy.

Chín Đình nhìn tôi và Tiến một lúc, thì thào :

— Hôm mình ra Biên Hòa “đổi xác”, thì anh Hai Đình anh của Năm Bình đã “lặn” qua tỉnh khác cùng nhiều cán bộ được phân công ở lại. Ông Chin Qui phó tướng của anh Tám Nghệ trở vô sống chết với chiến khu Đ cho sau này. Nghe ông Chin Qui hăm he tại Việt gian mới tiếp quản vùng bờ sông chiến khu Đ đã đỡ trò khùng bố, trả thù. “Tao sẽ lột da tại bay nhồi trấu”. Ông Chin Qui bắn tin vậy đó. Mà có lẽ ông sẽ làm thiệt. Nè, ngó bộ không êm đầu. Tiếp quản tới đâu, chúng lập tề, làng xã, trả thù, địa chủ, cường hào theo chân tới đó. Đã hiếp dâm đàn bà, con gái, lập sổ gia đình Việt cộng ...

Ba anh em chúng tôi ngó mòng ra bến tàu Chắc Bàng. Tàu bè chen chúc, ồn ào, náo nhiệt. Họ có biết đâu, quê nhà của họ giờ phút này ... đã đắm chìm trong khói lửa, khùng bố, trả thù thâm độc ...

Tiến tìm đưa cho Chin Đình một ổ bánh mì nhận thật. Chin Đình ăn ngon lành, cặp kiếng mát to tướng treo lồng thông dưới dạ cổ. Chợt nhớ ra, Chin Đình bảo nhỏ, gần như thì thầm sau khi nhìn ngó bốn chung quanh :

— Tao có gặp chị Sáu ở bờ sông Đồng Nai. Chị Sáu dẻo dác tìm từng ông bộ đội rầm rập kéo qua sông, xuống Vũng Tàu. Anh Bảy, anh Ba, chị Sáu của Bốn đã bỏ chiến khu trở về làng Bình Long

bên này sông rồi. Tất cả gia đình ly hương trong chín năm qua đều làm như vậy, để bảo vệ nhau trên làng cũ. Bà Sáu má Bốn vẫn ở tạm tại chợ Biên Hòa, tỉnh sau. Gia đình Tiến thì, tao không sao gặp được trong cái vô “công tử” thị thành thế này. Ai tin ? Lơ mơ, nhiệm vụ không hoàn thành với ^{năm} trăm “vốn quí” cho miền Nam sau này, đứt đầu như chơi

Tôi và Tiến nhìn nhau. Thôi, đành với tin tức gia đình thế thôi. Chẳng trông mong gì hơn. Buồn, vui lẫn lộn.

Chín Đình ở chung cơ quan Giáo dục Tân uyên với tôi nhiều năm qua, sau chuyển về huyện Đồng Nai mới thành lập (huyện chiến khu Đ). Hoạt bát. Thông minh. Tận tụy. Nhà ở gần nhà anh Tám Nghệ. Những ngày đói khát 1946—1950, tôi, Tiến, anh Nhị Nguyên, Thanh Hậu, Thanh Hóa, Thanh Tao ... thường kéo nhau ra nhà Chín Đình sát bờ sông Đồng Nai kiếm cái ăn, tắm tấp. Khi một quài dừa lửa, dừa xiêm. Khi một con gà nấu xối đậu xanh. Có lần, tranh nhau ăn con gà nấu cháo, nòi cháo đổ tràn xuống đất, mạnh đứa nào nhặt được, cứ ăn. Chẳng ai trách ai. Ở đó trách cứ, có còn miếng thịt nào cho vô miệng đâu.

Chín Đình có tướng mạo phong nhã, thư sinh. Có lẽ do vậy mà Tỉnh ủy quyết định cho Đình đội

lớp “công chức” đưa năm trăm trẻ em con gia đình cách mạng, liên lạc cơ quan, trẻ mồ côi theo đường cống khai xuống tận bến tàu này. Công lao này thật to lớn. Không biết sau này, khi năm trăm em hôm nay được học hành thành người hữu ích cho xã hội, cho miền Nam, các em có nhớ công ơn Chín Đình không ?

Còn Chín Đình, sau khi bàn giao năm trăm em cho cán bộ chỉ huy bến tàu xong, nằm lăn ra sập để cạnh bìa rừng ngũ vù. Đoạn đường từ Biên Hòa xuống tận đây đã khiến anh gày xẹp, ăn không ngon, ngủ không yên. Thiếu gì bất trắc dọc đường ? Tai nạn giao thông. Đò, phà. Một em nào đó nhớ cha mẹ, nhớ quê, bỏ cuộc. Một thằng mất thám nào đó ngứa mắt tự hỏi : Đi đâu mà cả bày cả lũ có tổ chức đảng hoàng thế này ? Vậy là sinh sự ngay thôi.

(Sau năm 1975, Chín Đình có tìm gặp lại tôi khi tôi đang phụ trách Chủ tịch Hội Văn nghệ Đồng Nai và Giám đốc Nhà xuất bản Đồng Nai). Buổi sáng gặp gỡ Chín Đình, tôi bàng hoàng, mấy ngày sau không sao sáng tác được. Trong tôi nảy ý muốn sắp xếp thời gian còn lại để viết cuộc đời của Chín Đình và các bạn thân quen trong chín năm kháng chiến chống Pháp, hai chục năm kháng chiến chống Mỹ. Tìm đâu ra thời gian ? Công việc này đòi hỏi nhiều thời gian, công sức. Công sức thì tôi tự tạo được.

Công sức để viết làm sao bì được công sức các anh đổ ra cho hai cuộc kháng chiến to lớn vừa qua ?

Một ông già đứng trước cửa nhà tôi trong hẻm Lò Heo sát bờ sông Đồng Nai. Ông già ngoạ đầu, mỉm cười, một cái chân hơi khập khiễng, tay cầm một bó giấy cuộn tròn.

— Biết tôi là ai không ? — Ông già ngất ngưỡng hô.

Kinh nghiệm từ sau ngày giải phóng đến giờ : Ai tìm hỏi mình thế, tức là bạn chí thân trước đây. Tô Bá Hùng, bác Ba Phụng, anh Mai Sơn Việt, anh Phan Duy Khai, cả các học trò thân yêu của tôi thời Trường tiểu học kháng chiến huyện Tân Uyên.

Ngày tôi mới dẫn đội làm phim “Chiến thắng Xuân 75 lịch sử” về thành phố Biên Hòa, một cô gái mập mạp, mặt trái xoan, mũi đúng là dọc dừa, mắt mờ mờ đang ngồi bán trái cóc bên đường nháy xỏ ra cản đường anh em chúng tôi, hai tay chống nạnh cất tiếng hỏi tôi :

— Biết tôi là ai không ?

Các quan đạo diễn, quay phim dạt ra, lom lom nhìn ngó xung quanh, sẵn sàng bảo vệ tôi. Nhìn cô gái một lúc, từ cái mũi, đôi mắt, khuôn mặt, nhất là đôi môi mỏng, tôi la lên :

— Phải mày là con nhỏ Cúc B không ?

Thế là Cúc B nhảy lên đeo cổ tôi, nước mắt như mưa. Hai thầy trò ôm nhau khóc ngày gặp mặt sau hơn hai chục năm xa cách. Các anh đạo diễn, quay phim ngẩn ngơ lúc lâu mới tháo máy quay phim, lắp kính quay chớp ngay cảnh “trùng phùng” ấy.

Còn bây giờ, ông già hỏi tôi cũng vẫn câu hỏi ấy là ai ?

Lần tìm trong trí nhớ ngày xưa, từ năm 1945 đến 1954, đến 1975, nhìn dáng đứng và cái đầu ngoẹo ngoẹo một bên, tôi hỏi

— Có phải cha nội Chín Đình — Văn Phong không, chòng cò Đào ở gần nhà anh Huỳnh Văn Nghệ ...

Chín Đình lau nước mắt, gật đầu và ôm chầm tôi. Cái bó giấy cuộn tròn rơi xuống nền nhà. Tôi cúi xuống lượm bó giấy.

Chín Đình cứ đứng thế nhìn tôi, lại lau nước mắt và bảo nhỏ giọng hơi nhịu, không sang trọng như năm xưa tại bến tàu tập kết Chác Băng hay những ngày ở chung ban giáo dục Huyện Tân Uyên :

— Chờ, tìm ông dứt hơi. Vậy là ông Trời cũng còn có mắt.

Pha nước mời Chín Đình, tôi hỏi ngay :

— Sao, từ ngày giải phóng tới giờ, có đứa nào

trong năm trăm em nhò ngày ở bến tàu tập kết Chắc Bằng tìm thăm ông không ?

Nụ cười của Chín Đình hơi méo, giật giật. Cả một bên mắt cũng nheo nheo, giật giật. Lòng tôi se lại. Trời, hầu như tất cả những người tôi gặp lại từ sau ngày giải phóng, không một ai nguyên vẹn. Già thì là lẽ trời đất rồi. Tôi cũng thế thôi. Nhưng, tôi nói rằng : Hầu như không một ai nguyên vẹn. Thân thể mỗi người một bệnh tật, thương tích. Giọng nói mỗi người một khác trước : Người thì giọng khàn khàn vì bị tra tấn, thanh quản bị đứt, nói nhiều lần. Người thì mắt so lệch, giật bắn liên tục vì bị tra điện. Người thì chân khập khiễng, bước đi phang ngang phang ngựa. Nhiều người toàn răng giả tuy cũng cùng tuổi tôi thôi.

Còn cuộc đời ba chục năm qua ư ? Tôi làm sao kể xiết, dù tôi có hàng chục năm trời, còn đủ sức cầm lấy bút như ngày xưa ?

Khác những bạn bè gặp lại trước, Chín Đình ít nói, ít cười tay làm le bó giấy cầm tay. Tin tức về những bạn bè khác thì mỗi ngày một vơi đi. Vài năm sau giải phóng, cũng đã được biết kha khá rồi. Ai chết thì đã chết rồi. Bị địch giam giữ ở Côn Đảo, Phú Quốc, thì cũng đã về rồi nếu còn sống sót. Ai thuộc diện cải tạo thì cũng đã đi cải tạo rồi. Bây giờ, chỉ còn cái thăm kín nhất của bạn bè, của

cả tôi nữa.

Hai chúng tôi lặng lẽ ngồi bên ấm trà bên bờ sông Đồng Nai đến trăng sà xuống phía bên kia cầu Mới.

Chín Đình lau nước mắt vì còn được gặp lại nhau dù sao, cũng còn được một người biết mình. Chín Đình bảo thế, trao tôi bó giấy cuộn tròn, ra đi, khập khểnh, con mắt nheo nheo, bên má giật giật, một con mắt đỏ độc vì nhiều năm bị giam cầm, bị kẻ thù tra tấn độc địa.

Tôi lần lượt gỡ bó giấy tờ ra xem, ngao ngán cho thân phận Chín Đình, thân phận éo le của nhiều bạn bè. Toàn là đơn từ khiếu nại, nhờ xác nhận năm, tháng có tham gia kháng chiến, năm tháng bị địch giam cầm ở nhà tù nào, ai biết ?

Khi từ già chúng tôi ở bến tàu tập kết Chắc Bàng, Chín Đình vẫn bộ lốt “công tử bột” ra Bạc Liêu trở lại Sài Gòn. Tìm gặp được cơ sở, báo cáo đã hoàn thành việc đưa năm trăm em nhỏ xuống Chắc Bàng, xuống tàu tập kết đầy đủ... anh đã bị chúng bắt hết sức bất ngờ. Và từ đó, cuộc đời anh là cuộc đời tù tội bị các cực hình, tàn bạo nhất ...

Giải phóng rồi, nhiều người có thể chứng nhận cho anh đã không còn nữa, hoặc ở đâu cũng không biết. Làm sao giúp anh bây giờ ?

Tôi biết chứ : Nhiều bạn bè có tâm trạng như

Chín Đình tìm đến tôi là vì tôi là Nhà Văn, là Nhà Báo. Chữ cái cương vị công tác của tôi hiện nay, ăn nhằm gì ! Ác thay, cái Nhà Văn, Nhà Báo tôi mang hiện nay, cũng chẳng giúp gì cho các bạn thân có tâm trạng, hoàn cảnh hết sức éo le.

Tôi chợt nhớ một quyển sách của Liên Xô tôi được đọc trước ngày giải phóng :“Đi tìm người anh hùng thành Breste”. Thành Breste là pháo đài bị quân phát xít Hitle tấn công mở đầu cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại của Liên Xô. Tác giả định đi sưu tầm tài liệu thật để viết tác phẩm ấy. Suốt mấy năm trời, tác giả đã gặp rất nhiều chiến sĩ bảo vệ thành Breste còn sống sót, đã minh oan, giới thiệu cho hàng trăm nhân dân Xô Viết và thế giới biết cuộc đời, chiến công và những ngày đầu chiến đấu bảo vệ thành Breste ... Hàng trăm người chiến sĩ anh hùng bị oan ức ấy, hàng trăm nhân dân Xô Viết gửi thư cảm ơn tác giả. Nhờ ngòi bút và tấm lòng của tác giả mà những ngày cuối đời của họ được thoải mái, lương tâm thanh thản, tuy vật chất và năm tháng thì không sao lấy lại được nữa rồi ...

Giá tôi còn nắm trong tay tôi được vài chục năm cầm bút, tôi sẽ giành phần thời gian thích đáng cho việc viết một cuốn sách về những bạn bè đã có nhiều cống hiến cho ngày hôm nay, nhưng vì hoàn cảnh éo le của chiến trường, của đất nước, vì hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ quá dài, dài

gấp năm lần cuộc chiến tranh vệ quốc của Liên Xô, mà còn rất nhiều người, nhiều chiến công vẫn còn thẫm lặng, nhiều cảnh đời uẩn khúc chưa được cời mở ...

Có ai thấy không : Trong một ly bia Tiger sủi bọt tràn mép, trong một ly rượu ngoại rất đắt tiền, trong một bữa tiệc tốn hàng triệu đồng, trong vành môi son của các cô gái đẹp, các cô bồ nhí, các cô vợ hai, vợ ba ... đều có giọt giọt máu, mồ hôi, đều có những tiếng thở dài của biết bao con người còn âm thầm vì cả cuộc đời đã cống hiến cho ngày hôm nay.

Có ai thấy không ? Có ai nghe không ?

Chương bốn

Tôi và Tiến được lệnh xuống tàu Stavropon của Liên Xô để ra Bắc bên ngoài vàm cửa sông ông Đốc.

Trời đã sang đông, trở lạnh. Pháo Tết đầu đó đã đi dùng nổ. Hay súng khủng bố của giặc ở những nơi chúng vừa tiếp quân ?

Bến tàu tập kết Chắc Băng đã vắng tanh. Thế nhưng, vẫn còn vương vấn trong tôi hình ảnh hàng trăm, hàng nghìn con người chân đất, quần áo bà ba đen, cổ quấn khăn rằn, lưng đeo hộp gươm đựng thức ăn đi đường, vai mang súng các loại, đầu đội nón nan tre tự đan bọc vải ka ki có gắn ngôi ^{sao} vàng tự vẽ tự thêu lấy.

Họ cắn răng, nuốt lệ trước giờ phút chia tay người thân, mảnh đất quê hương. Có rất nhiều người không còn một người thân nào để đưa tiễn. Họ côi cút lúc ra đi, rồi mai đây, sẽ côi cút trở về mảnh

đất quê hương.

Tôi đã chứng kiến rất nhiều cảnh một cô gái là vợ, là người yêu, là em hoặc chị của người ra đi cầm khăn rằn lau nước mắt như mưa, chạy rượt theo con tàu dọc bờ sông Chác Băng đầy lau, sậy bứt bùng, hoang dã, đến hai bàn chân tóe máu, mặt mày xối máu tươi vì lau sậy cửa, cành cây quất, quẹt ...

Có những bà mẹ già nhẩy xuống dòng sông Chác Băng lội theo con tàu ... Nước con sông Chác Băng ngầu đỏ, vầng máu, bập bênh nhiều bọc ny long, khăn rằn, quần áo rách, từng đám lục bình trôi bồng ... Rồi nhiều chiếc thuyền con chèo đuổi theo vớt bà mẹ lên thuyền, nước mắt, nước sông đầm má máu đỏ, đôi vai gầy gò run rẩy như thân sậy, thân cỏ mỏng manh ...

Hàng trăm, hàng nghìn thuyền chở đoàn người tập kết chúng tôi ra tàu Stavropon vào quãng giữa đêm. Không khẩu hiệu đưa tiễn. Không người thân đưa tiễn. Nhưng, nước mắt già biệt thì khác gì ở bến tàu tập kết Chác Băng hai tháng qua.

Tàu Stavropon như một thành phố nhỏ, sáng rực ánh đèn. Giữa đêm đen mà trông rõ ràng lá cờ búa liềm màu đỏ trên ống khói tàu.

Đúng là chuyến cuối cùng.

Khi đoàn thuyền chở chúng tôi đến tàu, thì

con tàu đã đầy khăm người. Gần hai nghìn con người được nhét vào bụng con tàu.

Các đồng chí Liên Xô, Ba Lan, các bạn Ấn Độ nắm tay kéo chúng tôi lên bậc thang cuối cùng, niềm nở, tươi cười. Hình như các bạn ấy không thôi nhìn ngó vào bờ, bốn chung quanh mặt biển, lắng nghe tiếng súng từ bờ vọng ra. Lo lắm chứ. Là chuyến đi cuối cùng, nghĩa là từ giờ phút này, mảnh đất nửa nước trong kia thuộc quyền quản lý của bọn chúng.

Tôi xa nhà, xa dòng sông Đồng Nai từ năm 1945, xa đất miền Đông từ năm 1952. Dù sao, chín năm qua, tôi cũng đã quen với cuộc sống tập thể, xa cách cha mẹ, anh chị em ruột thịt. Nhưng giây phút chia tay này, tôi bỗng thắm cảm ơn chị Sáu tôi, các anh tôi không có mặt nơi đây. Thế mới biết nỗi đau chia ly này lớn lao đến chừng nào, dù lúc ấy, trong chúng tôi, không ai có thể biết được : Phải hai chục năm sau đây máu và nước mắt, ai trong chúng tôi hôm nay còn sống sót, mới được trở về quê hương. Một quê hương điêu tàn, kiệt quệ, gia đình nào cũng thờ người cầm súng của hai phía.

Khi bước đến nấc thang tàu cuối cùng, tôi thoáng gặp nhiều người có tuổi quần khăn rằn, đội nón rộng vành sùm sụp, lật đật từ boong tàu bước trở xuống những con thuyền bập bênh, nhẩy cõn

như những con ngựa chiến. Tôi giật mình, vì trông thấy nhiều người quen quen, hình như có cả đồng chí Lê Duẩn nữa. Đồng chí ấy “đánh tráo” ở lại với mảnh đất này ư ?

Phải rồi. Không thể, đâu có được với chúng.

Các đồng chí ấy đã phải rúc vào bóng tối, như năm xưa, từ bóng tối hiện ra trong ngày Độc lập Tự do năm 1945.

Theo Tiến lần xuống tận giữa bụng con tàu, mà tôi không sao quên được hình ảnh các đồng chí ấy lần theo thang cầu tàu xuống lại con thuyền nháy cõn, mong manh, biển và mặt biển tối đen.

Anh Lầu, thường gọi là Capitaine Lầu, tiểu đoàn trưởng chuyển đi của tôi và Tiến đến gặp tôi, báo nhô tôi trên tầng ba kiểu giường nhiều tầng :

— Trên chỉ định cậu làm Chính trị viên kiêm đại đội trưởng một đại đội. Đây, danh sách đại đội của cậu đây. Tôi là Tiểu đoàn trưởng.

Trong cảnh tranh tối tranh sáng giữa bụng con tàu khổng lồ chùng chình, nghiêng ngả, tôi có cảm tưởng chúng tôi đang hoạt động bí mật giữa rừng già trước đây.

Tôi chưa được quen mặt Capitaine Lầu, nhưng đã thấy ảnh và nhiều bức ký họa chân dung anh dán trên vách nhà bà Nội ở Rạch Chệt — Cái Tàu khi tôi đang theo học trường Trung học kháng chiến

Nam Bộ năm 1951 và Trường Sư phạm Nam Bộ năm 1949.

Lúc ấy, không hiểu họa sĩ nào vẽ ký họa chân dung anh Lâu, anh Huỳnh Thủ, anh Huỳnh Phan Hộ, Trương Văn Giàu treo trên vách nhà bà Nội. Ham thích hội họa, tôi thường tha thẩn ra nhà bà Nội mua bánh bao, ngắm nhìn những bức ký họa chân dung ấy. Nay gặp lại anh Lâu, tôi nhớ ra ngay.

Hẹn địa điểm hội họp hàng ngày, bàn giao danh sách xong, anh Lâu lần ra phía mũi tàu.

Tôi và Tiến hồi hộp xem lại danh sách đại đội tôi phải phụ trách những ngày lên đênh trên biển Nam Hải, dọc theo hình chữ S của đất nước. Càng xem, tôi và Tiến càng thấy vui vui. Trong danh sách đại đội, thấy có tên các anh chị quen biết như : Nhà điêu khắc Trần Văn Lắm và chị, nhạc sĩ Văn Lưu, họa sĩ Trần Kim, kịch sĩ Minh Trị và chị, nghệ sĩ U Đa tức Jozep Êduard, chủ gánh hát Tô Huệ, và hầu hết là người thuộc Trường Tiểu học binh sĩ Miền Tây, người thuộc phòng chính trị Phân liên khu miền Tây ...

Tiến tỏ ý lo lắng, bảo :

— Một đại đội toàn văn nghệ sĩ có tiếng, trí thức và lính văn phòng. Một đấy. Không giỡn được đâu ...

— Nhưng không nhận sao được ? Đành chịu

cực thôi. Tôi đâu hay đó vậy

Tôi nói mạnh mẽ cho Tiến yên tâm, bình tĩnh giúp tôi.

Tôi còn lạ gì tôi nữa ? Có chỉ huy một đơn vị cụ thể tập trung đông đảo thế này bao giờ đâu : Tuy đã nhiều năm làm Trưởng ban giáo dục một huyện nhiều năm làm Bí thư Liên chi bộ các cơ quan kháng chiến hành chánh huyện gồm Giáo dục, Xã hội, Thông tin, cơ quan ủy ban kháng chiến hành chánh, Y tế .. nhưng đâu có tập trung như cái đại đội này ? Cái yếu của tôi là con số. Tôi không sao nhớ được các con số. Cái mạnh của tôi là suy nghĩ bằng hình tượng, bằng sự việc, bằng ký ức.

Con tàu chở hàng hai nghìn người qua khỏi Cồn Đảo men theo đoạn cong chữ S cuối cùng đất nước, ra hải phận quốc tế.

Đến ngày thứ ba lênh đênh giữa mênh mông trời, nước, hàng trăm người bị sóng nhồi, nằm dài, nôn thốc nôn tháo tại chỗ.

Hình như con tàu lúi sâu vào trung tâm một cơn bão nào đó. Nó nghiêng ngả đến ba mươi độ. Thức ăn, nước trên các giường tầng đổ xối xuống tầng dưới. Người phải bám thang giường, nôn ọe, kêu khóc. Mùi hôi thối, mùi mồ hôi hàng hai nghìn con người lâu ngày không tắm rửa, mùi thức ăn bị nôn mửa ... Không sao chịu nổi.

Đến các chị em nữ ngưng ngưng là thể, mà đành nhắm mắt ngồi tại chân giường giữa hàng nghìn người ... không sao đi được một bước vào chỗ cần thiết.

Tôi phải cùng Tiến lần theo thành giường, đi khắp các tầng giường, tìm các anh chị em trong đại đội nghệ sĩ của tôi.

Thật là thê thảm. Không chỗ nào có được một ngọn gió lành không mang mùi hôi thúi. Tàu này vốn là tàu chở hàng, được cấp tốc sửa lại thành tàu chở người, đi hàng tháng trời từ Vladivostok mới xuống được tới Cà Mau, Bạc Liêu ...

Trên tầng giường chông chênh, nghiêng ngả dữ dội, nhà điêu khắc Trần Văn Lắm hai bàn tay bám chặt thành giường, mặt tái xanh vì qua nhiều cơn nôn mửa. Chị Lắm vốn hồng hào, vui tính cũng đã dưới, bám thành giường, dènh dàng, côi mớ là thể, mà giờ gặp lại tôi, chỉ lắc đầu, thều thào :

— Sao rồi cậu, đại đội trưởng ? Chứng nào mới tới ?

Tôi nhìn anh và lắc đầu :

— Trước năm 1945, anh còn có ra Bắc đòi lần. Tôi đâu có ra đó lần nào đâu mà biết ?

Chị Lắm nhìn Tiến đứng cạnh, ráng cười :

— Hồi ông học trường Mỹ thuật Gia Định,

ông có ra đó một lần.

Anh Trần Văn Lắm lấy khăn tay chùi mép, cười khề khà :

— Gọi là École de beaux Art de Gia Định. Thuở ấy Nam Kỳ có thêm một trường Mỹ thuật nữa, đó là trường Ecole d'Art Biên Hòa xứ của ông Bốn với ông Tiến đây.

Chúng tôi trò chuyện trong khi con tàu vẫn lắc mạnh. Đồ đạc trên giường nghiêng ngả, nhào nhào. Trẻ con bám mẹ, kêu, khóc, ói, mửa khắp nơi.

Tôi lại lần theo mép từng chiếc giường đôi, đi tìm thăm các đội viên trong đại đội của tôi khắp các tầng giường, nơi đầu tàu, cuối tàu.

Vợ chồng anh Minh Trị vẫn cười nói bình thường. Minh Trị còn đánh guitar cho chị vợ hát nhiều bài thời đầu Nam Bộ kháng chiến.

Trên tầng hai, nhạc sĩ Văn Lưu mang kính trắng nằm khoanh, ư ử trong cổ, tay nhăm nhe cây viết chì. Có lẽ anh đang sáng tác, hay ghi chép một tư nhạc nào đó chợt đến.

Đang lần theo mép giường, lão đảo như say rượu vì con tàu bỗng dưng lắc mạnh quá, bỗng tôi trông thấy anh Hoàng Xuân Nhị tựa lưng vào thành giường, mang kiếng lão, đọc một quyển sách tiếng Nga. Anh lẩm nhẩm, hai khóm miệng đóng bọt nước đặc quánh như khi đang giảng cho chúng tôi ở

trường Trung học kháng chiến Nguyễn Công Mỹ.

Gặp lại tôi trong hoàn cảnh này, anh vui mừng ra mặt.

Đặt quyển sách dày xuống giường anh cúi mép, trao tôi cốc nước bằng nhựa ; giọng xử nghệ nặng quánh :

— Bồn bình thường hỉ ? Có bị nòn ọe nhiều không hỉ ?

Tôi nắm tay anh rất lâu, chào nhô và ngồi ghé cạnh giường :

— Dạ, tôi không bị nòn ọe. Cũng may.

— Rửa, là mừng, hỉ. Nhiều anh chị em không ngồi dậy được. Chẳng cơm cháo chi mô.

Thấy tôi chăm chú nhìn vào quyển sách, anh cười cười bảo :

— Minh tranh thủ thời gian đi tàu học tiếng Nga. Ra Bắc, rất cần tiếng Nga. Nhờ biết tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, nên mình tự học tiếng Nga cũng nhanh thôi.

Anh lại lục thêm vài quyển sách tiếng Nga dày ở đầu giường bảo tôi :

— Đây là quà của các thủy thủ Nga tặng mình. Quý lắm, hỉ. Giáo trình văn học Nga của Nubarốp. Tuyển tập thơ của Maiacopky ... Bồn còn trẻ, nên tranh thủ học thêm vài thứ tiếng nước ngoài, hỉ.

Làm nhà văn, rất cần ngoại ngữ, hì.

Đang nói chuyện, bỗng anh cầm bút ghi chép gì đó vào quyển sổ tay. Chữ viết của anh ri ri, đầy mặt giấy. Anh báo tin về vui mừng :

— Gia đình anh Hoàng Minh Viễn cũng đi rồi. Vợ chồng Hoàng Xuân Bình cũng đã đi. Các cậu giáo viên các Trường Trung học kháng chiến đều được tập kết, hì : Các cậu Hoàng, An, Tấn, các chị Liên, Phương ... Làn nì, hội ngộ tại các trung tâm đại học tại Hà Nội, chứ không phải trung tâm văn hóa kháng chiến Rạch Chệt — Cái Tàu U Minh, hì ?

Lênh đênh giữa hải phận quốc tế mệnh mông trời, nước suốt gần tháng trời, bị một trận bão, hai lần bị máy bay phản lực Mỹ rà sát để kiểm tra hay gì gì đó, con tàu chúng tôi mới lọt vào vùng vịnh Bắc Bộ.

Hơn hai nghìn con người chưa từng biết thế nào là cái lạnh xứ Bắc, run lập cập, môi nứt nẻ, quần chân khắp người.

Con tàu cập bến tiếp đón Sầm Sơn, dịp giáp Tết nguyên đán 1954.

Chúng tôi lần lượt xuống hàng trăm chiếc thuyền vô gòn, thuyền nan, vào bãi cát Sầm Sơn. Có người cũng có mang áo len. Hầu hết chỉ phong phanh bộ quần áo mỏng xứ nóng quanh năm. Răng

dánh vào nhau đến ề ầm. Tay chân lạnh cóng. Hàng nghìn con người xác xơ sau hàng tháng trời lênh đênh, vất vả trong bụng một con tàu khổng lồ nghiêng ngả, bị nồm mưa liên miên, nay lại bị cái lạnh giáp Tết xứ Bắc, càng thâm hại.

Buổi sáng sớm hôm ấy, quả thật là chúng tôi bàng hoàng trước mọi thứ : Những con thuyền mừng, thuyền nan quá bé nhỏ. Những người chèo thuyền mặc toàn đồ chàm, đồ gụ, quần khăn sùm sụp. Phụ nữ thì răng đen, khăn mỏ quạ cũng đen. nhất là chiếc váy đụp đen, bạc thếp. Tiếng nói trọ trẹ, không sao nghe được. Đến những con bò, con trâu tha thân, chiếc cày chia vôi, chiếc bừa nhỏ xíu, chiếc cào cỏ như đồ chơi, hay đồ diễn kịch ...

Chúng tôi ngỡ ngẩn, trần trối, rón rén, thì thầm, đưa mắt nhìn nhau với biết bao câu hỏi thầm kín.

Cùng một Tổ quốc có hơn bốn nghìn năm lịch sử, cùng một bọc con Hồng cháu Lạc, vậy mà buổi sáng sớm hôm ấy, chúng tôi như bơ vơ giữa một xứ sở hoàn toàn xa lạ.

Thành từng đại đội, chúng tôi hành quân nghiêm chỉnh vào một xóm gần bãi biển có nhiều phi lao, tràm, cát bay mù trời.

Anh chị nào cũng xuýt xoa, cóm róm, đưa tay quẹt mũi liên tục.

Trong những chiếc lán bằng tre, nứa, các bà mẹ, ông bố, các em bé nhỏ người, gầy ốm đón anh chị em chúng tôi hết sức niềm nở chân tình. Trà tàu, chè tươi ủ trong ấm tích, thuốc Lào rít xồng xộc vui tai, riu rít như các thứ tiếng chim trong rừng lạ.

Chúng tôi được mỗi người hai điều thuốc lá Đại Tiên Môn của Trung Quốc. Ngát làm đôi, làm ba nhét vào nõ điều cày, gọi là “đá gà”; say niềm bèn bần, dờ cười dờ mỉu. Các cô gái Sầm Sơn che miệng cười, má đỏ rựng như quả cà chua.

Đêm đầu tiên trên đất Bắc, chúng tôi được phát mỗi người một chiếc chăn bông, vỏ chăn màu hoa sắc sỡ. Nằm lăn ra trên sạp, cuộn tròn giữa những chiếc chăn bông dày cộp, chúng tôi ló đầu ra nhìn nhau, cười toe toét : Lạ và buồn cười thế nào ấy. Ngoài đầu lán, gió mùa đông rú rít ghè sợ. Cái lạnh giáp Tết theo kẹt vách thổi mạnh vào khiến chúng tôi co rúm. Rồi hai, ba người nhảy vào nằm chung nhau, trùm kín đầu, kín chân, người vẫn cứ bập bênh, chao đảo như vẫn còn đang trên biển cả, nồn nao thế nào ấy.

Chốc chốc, lại có người tung chăn thò mũi ra ngoài, khịt khịt. Mới hay, có người hàng tháng trời trong bụng con tàu, không thay quần áo, không tắm rửa một lần gọi là có.

Sáng sớm, tiếng kèn Sầm Sơn đánh vang. Chúng tôi rồi cũng tung chân vùng dậy được, ngáp ngáp. mở miệng nói chuyện, thấy hơi bốc thành khói, lạ lùng nhìn nhau.

Sau giờ tập thể dục dưới rừng thông gió lộng, lại rủ nhau chạy ra cánh đồng trước mặt, nhảy bổ xuống những thửa ruộng nước, trằm mình, tằm tấp, tằm cả đầu, cổ. Lạnh tím môi, tím mình mẩy. Mấy ông lão chạy ra kêu thét, í ới. Hiểu ra, chúng tôi run lập cập chạy vào lán, thay nhanh quần áo, người nóng hằm hập.

Thế là sưng phổi, ho hen, người ngứa ngáy. Làm sao biết được nước ruộng ở đây chứa đầy phân trâu, phân người, gọi là phân bắc ... Nhiều cậu đang ói mửa, run cầm cập, lại móc họng cho nôn ra kỳ hết cái chất nước dơ, chất phân trâu, phân bắc ...

Cái Tết đầu tiên ở xứ Bắc là như thế đấy. Chúng tôi càng bồi hồi nhớ những cái Tết xa xưa, và những cái Tết kháng chiến ở miền Nam quê hương quen thuộc. Đụng cái gì cũng đem ra so sánh với quê mình trong Nam. Trâu, bò trong Nam lớn hơn. Chiếc cày, chiếc bừa trong Nam lớn hơn, dài hơn và nhiều răng hơn. Tiếng nói trong Nam dễ nghe hơn ...

Đêm đêm, sau khi hội ý cùng Ban chỉ huy tiểu đoàn do anh Lâu điều khiển, tôi trở về lán

trong tâm trạng hết sức khó tả. Nhớ quê hương trong Nam. Nhớ mọi thứ, từ vạt đất mới cày lật, cái cặm con trâu Chân già bị rận đeo đầy, đến khu rừng cháy sém ở chiến khu Đ chín mùa gian khổ ...

Đồng thời, trong tôi vẫn âm ỉ một háo hức thâm lặng : Tìm hiểu lời ăn, tiếng nói, phong tục, tập quán, người dân miền Bắc ... để có thể viết tiểu thuyết hay gì gì đấy gọi là văn chương.

Còn tương lai, công tác sắp tới, thật ra, tôi không suy nghĩ lắm. Hầu hết anh chị em cùng chuyến tập kết với tôi đều có tâm trạng thần thờ, bàng hoàng như tôi : Con đường phía trước chúng tôi không rõ ràng lắm như những năm kháng chiến quen thuộc : Ngày mai, tháng tới, mình sẽ làm gì ? địch sẽ làm gì ?

Mùa đông năm ấy, Sầm Sơn, Thanh Hóa dới ghê gớm. Cộng thêm cái lạnh hoành hành, cái dới càng tác oai tác quái.

Mỗi bữa ăn, đơn vị chúng tôi phải giành phần cơm cho hàng chục cháu nhỏ rách rưới, ốm tong teo đứng chung quanh. Đôi khi có cả người già rách rưới, dới khát cũng đến chìa tay xin cơm.

Không tài nào nuốt ngon lành miếng cơm nóng trong miệng. Nhiều anh em chỉ ăn qua loa một chén. Thế là các cháu nhỏ sà vào ... Tội quá.

Đêm đến, chúng tôi cũng nhường những chiếc

chăn bông dày cho các cháu đang nằm khoanh trong chiếc nong lạnh lẽo cạnh bếp.

Bao nhiêu quần áo kaki chiến lợi phẩm, áo len mang từ Nam ra, chúng tôi tập trung lại, cho các cháu và người già trong xóm.

Một đêm, đi tuần tra các vọng gác trở về, chui vào màn, dỡ chăn ấm ra, đụng một cô gái nằm khoanh con tôm, run lập cập ...

Thế là tôi chui vào màn của Tiến. Nói thế nào bây giờ ?

Tiểu đoàn huy động chúng tôi tham gia sản xuất cùng địa phương : Gánh nước tưới xu hào, bấp cải. Cày, bừa. Nhổ cỏ lúa.

Một buổi, đại đội chúng tôi làm gãy hai, ba chiếc cày, bừa^{củ}/đồng bào. Chiếc cày nhỏ quá mà, chỉ bằng bấp chân thôi. Nhiều anh vác một lúc ba chiếc cày, ba chiếc bừa, cũng cầm dây mũi bò "vắt, vắt" ra dáng lắm. Ấn cày một cái, vung roi, chiếc cày gãy lọi.

Một buổi gánh nước tưới xu hào, chúng tôi đập bể vài chiếc chum đất. Phải hùn tiền lại mua đèn cho đồng bào. Kỷ luật quân dân là một phần thôi. Cái chính là đồng bào nghèo quá. Nhiều nhà trẻ, già, trai, gái phải ăn cám heo với rau lang trừ bữa.

Lại càng nhớ miền Nam. Gặp đâu, cũng nhắc,

cũng hỏi thăm tin tức quê nhà. Bên ấm trà tàu. Lúc ra đồng giúp dân. Chỉ có tin tức quê nhà. Chỉ có quê tao, cái gì cũng có sẵn, ngon, ngọt.

Ngày tháng rồi cũng lần qua trong tâm trạng như thế

Lại biên chế đơn vị lại.

Cái đại đội “văn nghệ sĩ, trí thức” của tôi lại thêm vài anh chị em đặc biệt.

Quả đất tròn : Anh U Đa chủ gánh hát Tô Huệ lại lọt về đại đội tôi. Thêm Trần Xuân Nhựt, Phạm Tường Hạnh, vài anh vốn là chủ tịch huyện, họa sĩ ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Đầy đó, xi xào tin tức : Sắp chỉnh huấn cải cách ruộng đất.

Đất đai của mình trong Nam, đâu đây mà cải cách ?

Lại có lệnh : Mỗi cán bộ bị giáng xuống một cấp để chỉnh huấn cải cách ruộng đất.

Trong đại đội tôi, tôi và Trần Xuân Nhựt xuống làm trung đội trưởng hai trung đội. Trong trung đội của Trần Xuân Nhựt, có nhà văn Phạm Tường Hạnh. Trong trung đội tôi phụ trách, có nghệ sĩ U Đa, ông Chính, nguyên là chủ tịch một huyện ở Đồng Tháp Mười, chị Minh vợ một trung đoàn trưởng nổi tiếng ở Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp, chị

Phấn nguyên là điệp viên có rất nhiều thành tích trong chín năm kháng chiến chống Pháp và vài chị nữa công tác ở các cơ quan văn nghệ, báo chí, văn phòng thuộc Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây Nam Bộ. Đặc biệt, đơn vị tôi có anh Danh, nguyên đại đội trưởng một đại đội địa phương ở miền Tây Nam Bộ.

Không hiểu tại sao, một đêm, chúng tôi được lệnh hành quân kéo lên Chợ Lái, cách cầu Hàm Rồng vài kilômét. Vùng Hàm Rồng núi non trùng điệp, con sông Mã lẩn khuất, thập thò giữa các dãy núi chồm chở.

Những ngày chinh huấn cải cách ruộng đất, chiều chiều, anh em Nam Bộ chúng tôi từng rủ nhau ra Cầu Tàu, núi Ngọc Hàm Rồng ngắm cảnh, kể chuyện miền Nam.

Đại đội trưởng Danh lúc ấy đã lớn tuổi hơn tôi nhiều, cằm bạnh, mặt vuông, tai to, mày cong, mắt sắc, cổ bò mọng, hàm răng chắc, đều. Tôi và anh U Đa thường ngắm diện mạo anh Danh khi ngồi kiểm điểm trong chinh huấn, cảm thấy thế nào ấy. Hình như anh có tướng Phật Bồ Tát. Hai chúng tôi không dám nói ý nghĩ kỳ lạ của mình. Rồi Trần Xuân Nhựt, ông Chính Chủ tịch huyện cũng cùng ý nghĩ ấy.

Một buổi tối, bên chân Cầu Tàu — Hàm Rồng

anh U Đa bảo nhỏ tôi :

— Nè, nói cho mày biết, cái đất Nam Kỳ của tụi mình, có nhiều chuyện kỳ cục lắm. Riêng cái chuyện sắp xếp đại đội đi tập kết, mày có thấy chuyện lạ không ? Tại sao lại giao mày một đại đội toàn dân Văn nghệ sĩ có hạng xứ Nam Kỳ ? Mày có biết ông điều khắc Trần Văn Lắm nhà mình làm sao không ? Nổi tiếng lắm đó. Tại mày nhỏ tuổi nên không biết thôi. Thuở trước năm 1945, dân chịu học Trường Mỹ thuật Gia Định như ông Trần Văn Lắm đâu có nhiều. Rồi ông Hồ Văn Lái, họa sĩ ở Bến Tre nữa, cũng cỡ bự đó. Ông Trần Văn Lắm có nhiều bạn học hồi ở cái Trường Mỹ thuật Gia Định trên khắp ba kỳ Trung, Nam, Bắc. Ở Cao Miên, có họa sĩ Lâm Léch và nhiều người có tài nữa.

Chuyện ấy thì tôi có được nghe. Nhưng giọng anh U Đa ồ ồ, nghiêm trang, khiến tôi nhìn đôi mắt đẹp của anh trần trụi. Thì chính anh, anh cũng là một hiện tượng kỳ lạ trong cái đại đội của tôi. Còn anh Ngô Hồng Giỏi, Liên trung đoàn phó ở U Minh nữa, không kỳ cục sao ? Tại sao lại bố trí trong đại đội này toàn dân “kỳ cục” vậy ?

Tôi lo sợ, có thể nói là mất ngủ : Vì đây là những ngày các phái viên cấp trên xuống đơn vị tôi tham dự chỉnh huấn đều đặn.